

Danh Mục Luận Văn Khoa Quản Trị Kinh Doanh Bảo Vệ Năm 2019

TT	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY TNHH GIẤY HÀ THÀNH	Trần Tuấn Anh	TS. Chu Thị Kim Loan	<p>Mục đích nghiên cứu Đề tài tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản trị chi phí theo quy trình sản xuất tại Công ty TNHH giấy Hà Thành từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị chi phí theo quy trình sản xuất của Công ty TNHH giấy Hà Thành.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Luận văn đã đưa ra những kết luận chủ yếu sau: Quản trị chi phí nhằm thực hiện các chiến lược tăng trưởng kinh doanh, cắt giảm chi phí, tạo ra các ưu thế cạnh tranh trên thị trường, tăng lợi nhuận là việc không thể thiếu trong công tác quản trị của mọi công ty, nhất là trong điều kiện nền kinh tế hội nhập hiện nay. Nhận thức được vấn đề này, trong những năm vừa qua Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH Giấy Hà Thành đã thực hiện rất nhiều biện pháp nhằm hạ thấp chi phí kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng bền vững, lâu dài của Công ty.</p> <p>Phân tích thực trạng công tác quản trị chi phí tại Công ty TNHH giấy Hà Thành cho thấy công tác quản trị chi phí tại Công ty TNHH giấy Hà Thành được thực hiện một cách nghiêm túc và đã đạt được một số hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các chế độ kế toán hiện hành. Công tác quản trị đã đáp ứng được việc xử lý số liệu đã phát sinh một cách nhanh chóng nhờ công nghệ thông tin, mạng nội bộ. Tuy nhiên, công tác quản trị chi phí còn chưa phát huy được hiệu quả, bên cạnh những ưu điểm vẫn còn một số tồn tại cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm phục vụ tốt hơn cho yêu cầu quản trị của đơn vị để tạo điều kiện phát triển ổn định và bền vững trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty sản xuất giấy. Đánh giá khách quan về thực trạng đó, từ đó chỉ ra được những hạn chế, tồn tại cần hoàn thiện.</p> <p>Luận văn đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản trị chi phí tại Công ty TNHH giấy Hà Thành, bao gồm: hoàn thiện công tác lập dự toán, nâng cao chất lượng thực hiện chi phí, tăng cường kiểm soát chi phí và một số giải pháp khác.</p>
2	NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH SẢN PHẨM LÚA GIỐNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG BẮC NINH	Nguyễn Thùy Trang	PGS.TS. Đỗ Quang Giám	<p>Mục tiêu nghiên cứu Nghiên cứu thực trạng năng lực cạnh tranh sản phẩm lúa giống, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm lúa giống của Công ty cổ phần Giống cây trồng Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Đề tài đã hệ thống cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm lúa giống và thực tiễn sản xuất kinh doanh hạt lúa giống của một số nước trên thế giới để làm cơ sở cho việc nghiên cứu năng lực cạnh tranh sản phẩm lúa giống của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Ninh.</p> <p>Bộ giống của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Ninh được đánh giá là năng suất, chất lượng tốt; tuy nhiên về chủng loại sản phẩm còn chưa đa dạng. Về mẫu mã và độ bền của bao bì của sản phẩm, đa số khách hàng đánh giá mẫu mã đẹp, độ bền bao bì cao. Về hệ thống kênh phân phối, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Ninh đang thực hiện cả 3 hình thức phân phối là bán cho đại lý, bán qua các trạm giống, HTX và bán trực tiếp cho người nông dân. Đối với Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Ninh thì việc áp dụng hình thức bán hàng như hiện nay trên địa bàn là rất hợp lý. Hiện nay, Công ty đã sử dụng tất cả các hình thức quảng cáo đa dạng như hội thảo, quảng cáo trên truyền hình, báo chí... riêng đối với hình thức hội thảo còn chưa được chú trọng. Thị trường tiêu thụ lúa giống trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh và sự cạnh tranh diễn ra gay gắt; khả năng thâm nhập thị trường của công ty nhiều tiềm năng là chưa tốt.</p> <p>Qua phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh sản phẩm cũng như phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức, luận văn đã chỉ ra được những khó khăn của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Ninh trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm. Một số giải pháp, kiến nghị đã được đề xuất để giải quyết những vấn đề tồn tại trên.</p>
3	QUẢN LÝ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI ỐM ĐAU, THAI SẢN TẠI BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG	Vũ Ngọc Kỳ	PGS. TS. ĐỖ QUANG GIÁM	<p>Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản bảo hiểm xã hội tại huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương trong thời gian qua và phân tích các yếu tố ảnh hưởng để từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng cường quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản bảo hiểm xã hội huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận: Qua nghiên cứu đề tài, luận văn đã đạt được một số kết quả chính và kết luận như sau: Đã đánh giá được thực trạng trong công tác quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản bảo hiểm xã hội tại huyện Bình Giang: Công tác quản lý đối tượng tham gia chế độ ốm đau, thai sản được bám sát, chặt chẽ; Công tác quản lý thu chế độ ốm đau, thai sản đảm bảo đúng quy trình, đúng chế độ; Công tác chi trả chế độ ốm đau, thai sản BHXH đảm bảo kịp thời, đúng, đủ, đến tận tay người hưởng; Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, hiệu quả...</p> <p>Đồng thời, phân tích được các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản bảo hiểm xã hội tại</p>

				<p>huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương gồm 2 nhóm yếu tố đó là nhóm các yếu tố khách quan và nhóm các yếu tố chủ quan. Các yếu tố khách quan như điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và các vùng lân cận, sự điều chỉnh chính sách của Nhà nước, điều chỉnh tiền lương của Chính phủ và những quy định về quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của BHXH huyện. Nhóm các yếu tố chủ quan gồm: Nhận thức của người sử dụng lao động, người lao động và thân nhân người lao động; công tác xét duyệt chế độ BHXH, công tác tuyên truyền, công tác kiểm tra, giám sát của cán bộ BHXH huyện; sự phối hợp giữa các ngành liên quan.</p> <p>Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản BHXH tại huyện Bình Giang, tác giả mạnh dạn đề xuất bốn giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý chi trả chế độ ốm đau, thai sản BHXH tại huyện Bình Giang như sau: Thực hiện kế hoạch hóa công tác BHXH với chế độ ốm đau, thai sản; Hoàn thiện công tác tổ chức thực hiện chế độ ốm đau, thai sản; Hoàn thiện thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng tham gia chế độ ốm đau, thai sản; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ ốm đau, thai sản.</p>
4	HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI	Ngô Thị Thu Thanh	PGS. TS Trần Hữu Cường	<p>Mục đích nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản trị nhân lực tại Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hà Nội.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Qua nghiên cứu thực trạng quản trị nhân lực tại ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hà Nội cho thấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về công tác hoạch định nhân lực: Công tác hoạch định nhân sự của ban quản lý dự án là không tốt ở tất cả các nội dung, đặc biệt là 03 nội dung về đánh giá việc thực hiện kế hoạch, dự báo nhu cầu nhân sự và phân tích thực trạng nhân lực. - Về công tác tuyển dụng nhân lực: Nhiều khâu trong quy trình tuyển dụng còn mang nặng tính hình thức, số lượng tuyển dụng còn chưa bám sát vào nhu cầu thực tế và tính chất công việc cụ thể, cán bộ tuyển dụng chưa thực hiện được bước kiểm tra, sàng lọc, trắc nghiệm, phỏng vấn, do đó chưa đánh giá chính xác được năng lực của ứng viên. Nguồn tuyển dụng hạn chế, vì vậy, đơn vị có thể bỏ sót người tài đang thực sự mong muốn cống hiến trí tuệ cho đơn vị. - Về công tác đào tạo và phát triển: kết quả thực hiện của ban là khá tốt, các khóa đào tạo về chuyên môn được tổ chức thu hút được đông đảo cán bộ tham gia học tập. Đã triển khai được việc lấy ý kiến đánh giá sau mỗi khóa học. Tuy nhiên các lớp học khác như lớp đào tạo chuyên viên hoặc chuyên viên chính... mới bó gọn trong các quy định của chính phủ, mang nặng hình thức và cán bộ tham gia học tập chỉ theo lối mòn, học thuộc, thi cử hình thức. - Về công tác đánh giá và đãi ngộ: Công tác đánh giá hiệu quả công việc chưa cao và thiếu công bằng tạo nên sự bất mãn đối với cán bộ tâm huyết, mẫn cán. Điều này ít nhiều gây ảnh hưởng đến tâm lý làm việc chung của cán bộ công chức, viên chức cũng như lòng trung thành của họ đối với cơ quan. <p>Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố Hà Nội trong thời gian tới bao gồm 4 nhóm: i) Giải pháp về hoạch định nguồn nhân lực; ii) Giải pháp về công tác tuyển dụng; iii) Giải pháp về công tác đào tạo và phát triển; iv) Giải pháp về đánh giá và đãi ngộ nhân lực.</p>
5	HOÀN THIỆN DỊCH VỤ CHI TRẢ LƯƠNG HƯU THÔNG QUA HỆ THỐNG BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	Nguyễn Hồng Vân	PGS.TS. Trần Hữu Cường	<p>Mục đích nghiên cứu Lương hưu là một trong những chính sách An sinh xã hội của Nhà nước trên cơ sở đóng góp theo tỷ lệ quy định hàng tháng của những người trong độ tuổi lao động để có khoản tiền trang trải khi hết độ tuổi lao động, không còn khả năng lao động</p> <p>Nằm trong nội dung chương trình cải cách hành chính của Nhà nước nhằm minh bạch hóa chi trả công đồng thời giảm áp lực cho ngành BHXH, giúp cho quá trình nhận lương hưu hàng tháng của người dân được nhanh chóng, thuận tiện, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đã được Chính phủ cho phép phối hợp cùng cơ quan BHXH để thực hiện chi trả lương hưu trên toàn lãnh thổ</p> <p>Xác định đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, tận dụng những điểm mạnh sẵn có về cơ sở vật chất, mạng lưới, con người... cơ quan Bưu điện đã có những nỗ lực đáng ghi nhận để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên đây cũng là một dịch vụ mới, bước đầu khi triển khai cũng gặp nhiều khó khăn, nhằm hướng tới một dịch vụ chi trả hoàn hảo trong tương lai, tôi lựa chọn chủ đề “ Hoàn thiện dịch vụ chi trả lương hưu thông qua hệ thống Bưu điện Thành phố Hưng Yên” làm đề tài luận văn nghiên cứu</p> <p>Kết quả chính và kết luận Nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện dịch vụ chi trả lương hưu thông qua hệ thống Bưu điện Thành phố Hưng Yên” đã hệ thống hóa những nội dung cơ bản của dịch vụ chi trả lương hưu thông qua hệ thống Bưu điện. Trên cơ sở thực trạng công tác chi trả lương hưu diễn ra tại các điểm chi trả tại thời điểm tháng 8/2017 để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức làm cơ sở để đề xuất các giải pháp phù hợp</p> <p>Với mục tiêu hướng tới một dịch vụ chi trả hoàn hảo trong tương lai, luận văn đã đưa ra 3 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện dịch vụ chi trả lương hưu thông qua hệ thống Bưu điện Thành phố Hưng Yên như sau:</p>

				<p>Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tăng cường phối hợp với cơ quan BHXH để hướng dẫn, trang bị cho người lao động những kiến thức về BHXH phục vụ công tác giải quyết vướng mắc trong quá trình chi trả</p> <p>Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất: Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa kịp thời những điểm chi trả đã xuống cấp, không đảm bảo quy định</p> <p>Nâng cao chất lượng quy trình xử lý công việc: Tích cực kiểm tra giám sát các điểm chi trả thực hiện đúng thủ tục quy định hiện hành về nhận thay, nhận hộ; an toàn dòng tiền tại các điểm chi trả; tiến hành ký hợp đồng quản lý đối tượng với cán bộ chuyên trách tại địa phương, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để ứng dụng công nghệ thông tin trong chi trả.</p>
6	<p>QUẢN TRỊ CHO VAY TẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRANG HẠ, THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH</p>	Nguyễn Khắc Đại	PGS.TS. Lê Hữu Ảnh	<p>Mục tiêu nghiên cứu</p> <p>Trên cơ sở mục tiêu chung là: Nghiên cứu đánh giá, phân tích thực trạng công tác quản lý hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ đồng thời tìm ra những các giải pháp nhằm tăng cường nâng cao hoạt động quản trị cho vay tại quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ. Đề tài nghiên cứu các mục tiêu cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị cho vay và nâng cao hiệu quả cho vay của quỹ tín dụng nhân dân. - Phân tích thực trạng hoạt động quản trị cho vay của quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị cho vay của quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ. <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Nghiên cứu đã phân tích và làm rõ những nội dung cơ bản về tín dụng và hoạt động quản trị cho vay của QTDND trong nền kinh tế thị trường. Một hệ thống các chỉ tiêu định tính và định lượng đã được luận văn đề cập nhằm giúp đánh giá chính xác hơn về hoạt động quản trị cho vay của mỗi quỹ tín dụng nhân dân. Luận văn cũng đã đề cập nghiên cứu kinh nghiệm nâng cao hoạt động quản trị cho vay từ các quỹ tín dụng quốc tế cũng như một số quỹ tín dụng nhân dân trong nước, trên cơ sở đó rút ra một số bài học có giá trị cho Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ có thể nghiên cứu và vận dụng.</p> <p>Trong thời gian từ năm 2016 - 2018, nguồn vốn huy động của QTDND Trang Hạ không ngừng tăng lên từ 198.328 triệu đồng năm 2016 lên 253.486 triệu đồng năm 2018, qua đó tỷ suất sử dụng vốn năm 2018 là 67,8%. Vốn vay chủ yếu tập trung vào 3 mục đích sử dụng chính là: Vay kinh doanh dịch vụ, sản xuất (sản xuất may mặc) và vay tiêu dùng. Năm 2018 tổng dư nợ đạt 205.336 triệu đồng, trong đó dư nợ cho vay đầu tư lĩnh vực dịch vụ với 19.994 triệu đồng, lĩnh vực sản xuất may là 177.126 triệu đồng chiếm tỷ lệ 86,3% tổng dư nợ năm 2018, tiêu dùng đạt 8.216 triệu đồng.</p> <p>Tỷ lệ nợ quá hạn của QTDND Trang Hạ năm 2018 vẫn nằm trong mức độ an toàn, năm 2016 con số này 130 triệu đồng chiếm tỷ lệ 0,092 % tổng dư nợ tín dụng (nhóm 5, nợ có khả năng mất vốn) và đến cuối năm 2018 tổng dư nợ quá hạn là 195 triệu đồng và trong các năm gần đây lại liên tục tăng, đòi hỏi ban quản lý cần có những biện pháp khắc phục kịp thời nhằm từng bước giảm tỷ lệ nợ nhóm 5 tới mức thấp nhất.</p> <p>Với việc phân tích thực trạng về quản trị cho vay những định hướng hoạt động tín dụng và hoạt động quản trị cho vay tại QTDND Trang Hạ, luận văn đã đưa ra nhóm giải pháp nhằm nâng cao hoạt động quản trị cho vay như sau: (1) Giải pháp liên quan đến quản trị quy trình cho vay vốn tín dụng; (2) Đây mạnh công tác kiểm tra sau khi cho vay, thanh lọc khách hàng và xử lý nợ khi có vấn đề; (3) Lựa chọn khách hàng tiềm năng và chiến lược cơ cấu sản phẩm; (4) Tăng tính liên kết hệ thống; (5) Nâng cao chất lượng phục vụ và tăng khả năng cạnh tranh trong hoạt động tín dụng; và (6) Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực.</p>
7	<p>PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN SƠN, TỈNH BẮC NINH</p>	Nguyễn Thị Huệ	TS. Phạm Thị Hương Dịu	<p>Mục tiêu nghiên cứu: Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng phát triển dịch vụ NHBL của Vietinbank KCN Tiên Sơn, đề tài đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh phát triển dịch vụ NHBL tại Vietinbank KCN Tiên Sơn.</p> <p>Kết quả nghiên cứu và kết luận</p> <p>Qua nghiên cứu đề tài “Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh”, kết quả được thể hiện cụ thể như sau:</p> <p>Luận văn đã góp phần hệ thống hóa được cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ NHBL của ngân hàng thương mại, nêu được một số kinh nghiệm của một số NHTM trong nước và nước ngoài trong việc phát triển dịch vụ NHBL, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Vietinbank KCN Tiên Sơn để đẩy mạnh phát triển dịch vụ NHBL.</p> <p>Thực trạng phát triển dịch vụ NHBL tại Vietinbank KCN Tiên Sơn giai đoạn 2016-2018 cho thấy đã đạt được những kết quả tích cực trong quá trình phát triển dịch vụ NHBL như: quy mô dịch vụ được mở rộng, bước đầu xây dựng được nền tảng khách hàng ổn định, một số dịch vụ có tính cạnh tranh cao trên địa bàn. Tuy nhiên, phát triển dịch vụ NHBL tại Vietinbank KCN Tiên Sơn vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: sự tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng của địa bàn, tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ NHBL so với tổng thu nhập của Chi nhánh còn thấp, chất lượng dịch vụ chưa cao, hệ thống kênh phân phối còn hạn chế...</p> <p>Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ NHBL của Vietinbank KCN Tiên Sơn bao gồm: chất lượng nguồn</p>

				<p>nhân lực, chiến lược phát triển, các chính sách marketing, chăm sóc khách hàng, mức độ cạnh tranh trên địa bàn. Một số giải pháp được đưa ra để phát triển dịch vụ NHBL tại Vietinbank KCN Tiên Sơn là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển theo chiều rộng: Đa dạng hóa hình thức giao dịch và kênh phân phối, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và mở rộng thị trường hoạt động. - Phát triển theo chiều sâu: Nâng cao năng lực quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng.
8	<p>QUẢN LÝ CHO VAY KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KHU CÔNG NGHIỆP TIÊN SƠN, TỈNH BẮC NINH</p>	<p>Nguyễn Thị Hồng</p>	<p>TS. Phạm Thị Hương Dịu</p>	<p>Mục tiêu nghiên cứu Luận văn đánh giá thực trạng và yếu tố ảnh hưởng tới quản lý cho vay DNNVV tại NHCT KCN Tiên Sơn từ đó đề xuất một số định hướng và giải pháp hữu hiệu nhằm hoàn thiện công tác quản lý cho vay DNNVV tại chi nhánh trong thời gian tới</p> <p>Kết quả nghiên cứu chính và kết luận: Luận văn đã phân tích hệ thống hoá được cơ sở lý luận về quản lý cho vay tại các NHTM nói chung, Ngân hàng Agribank – CN Hà Nam; Vietcombank – CN Hải Dương, HSCB nói riêng. Qua đó, tác giả đưa ra được 9 bài học đối với việc quản lý cho vay các khách hàng là DNNVV tại NHCT KCN Tiên Sơn</p> <p>Qua phân tích thực trạng quản lý cho vay DNNVV tại NHCT KCN Tiên Sơn đã cho thấy những kết quả khả quan như Doanh số thu nợ qua 3 năm tăng mạnh từ 8,0% năm 2016 lên 21,9% năm 2018; Lợi nhuận từ hoạt động cho vay khách hàng DNNVV của Chi nhánh cũng liên tục tăng qua những năm qua, từ 15,2 tỷ đồng năm 2016 tăng lên mức 28,1 tỷ đồng năm 2018; Tỷ lệ lợi nhuận/dư nợ cho vay DNNVV cũng tăng lên từ 3,03% năm 2016 lên 3,24% năm 2018; Về quản lý đối tượng vay cho thấy qui mô dư nợ tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn đều tăng lên, trong đó dư nợ ngắn hạn từ 297,7 tỷ năm 2016 thì đến năm 2018 đã tăng lên 581,4 tỷ đồng với mức tăng trưởng bình quân là 39,7% . Bên cạnh đó, công tác này tại Chi nhánh vẫn còn một số hạn chế như: Việc ban hành chính sách quản lý hoạt động cho vay DNNVV còn nhiều chồng chéo, không có tính định hướng lâu dài. Việc kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật đối với các khoản vay của DNNVV còn nhiều bất cập. Công tác kiểm soát nội bộ Ngân hàng còn chưa chặt chẽ. Điều này xảy ra là do chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và các yếu tố chủ quan. Ngoài ra, Chi nhánh còn chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố khác mà tác động lớn nhất là i) Chính sách tín dụng trong cho vay DNNVV; ii) Cơ sở vật chất và trình độ chuyên môn của cán bộ ngân hàng; iii) Hoạt động kiểm soát khoản vay khách hàng DNNVV của Chi nhánh.</p> <p>Tác giả cũng đã đưa ra năm gói giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý cho vay khách hàng DNNVV KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh bao gồm: (i) Nâng cao trình độ chuyên môn cán bộ tín dụng; (ii) Tăng cường công tác kiểm tra sau khoản vay; (iii) Thiết lập qui trình cấp tín dụng rõ ràng, hạn chế và ngăn ngừa rủi ro do yếu tố con người; (iv) Kiểm soát tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng; (v) Quản lý có hiệu quả việc xử lý các khoản nợ xấu. Trong đó, Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, Nâng cao hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ và chú trọng đào tạo nâng cao trình độ của cán bộ tín dụng nên được thực hiện trước mắt. Ngoài ra, cần có sự hỗ trợ của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước trong việc bổ sung sửa đổi nhằm quy định rõ ràng hơn và đơn giản hoá các điều kiện cho vay đối với các DNNVV, quy định cụ thể về các ưu đãi về mặt thủ tục, lãi suất, thời hạn cho vay đối với các doanh nghiệp này tại các ngân hàng thương mại. Đặc biệt cần xem xét về mặt lãi suất, nhất là lãi suất cho vay ngắn hạn đối với DNNVV.</p>
9	<p>PHÁT TRIỂN CHO VAY QUA TỔ VAY VỐN TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC GIANG II</p>	<p>Đào Hữu Bảo</p>	<p>PGS.TS. Đỗ Quang Giám</p>	<p>Mục tiêu nghiên cứu: Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn hoạt động cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank. Đánh giá thực trạng hoạt động cho vay qua tổ vay vốn và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank Bắc Giang II. Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank Bắc Giang II trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả nghiên cứu chính và kết luận Qua nghiên cứu đề tài, luận văn đã đạt được một số kết quả chính và kết luận như sau: Đánh giá được thực trạng công tác cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank Bắc Giang II; Công tác phát triển cho vay qua tổ vay vốn thông qua mở rộng qui mô tăng trưởng tín dụng, tăng số lượng khách hàng vay vốn thông qua tổ vay vốn, tăng mức dư nợ cho vay trên thành viên vay vốn, tăng trưởng tỷ trọng dư nợ cho vay qua tổ so với tổng dư nợ cho vay; phát triển cho vay qua tổ thông qua các tổ chức hội, đa dạng mục đích vay, hình thức bảo đảm tiền vay, cơ cấu cho vay theo thời hạn vay; phát triển cho vay qua tổ vay vốn nhằm nâng cao hiệu quả cho vay, nâng cao chất lượng tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu thông qua cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank Bắc Giang II, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Agribank Bắc Giang II trong thời gian tới.</p>

				<p>Đồng thời, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank Bắc Giang II, như: (1) yếu tố về ngân hàng; (2) yếu tố thuộc về người vay; (3) yếu tố thuộc về môi trường hoạt động của ngân hàng và khách hàng; (4) yếu tố thuộc về chính quyền địa phương, tổ chức hội và tổ trưởng.</p> <p>Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển cho vay qua tổ vay vốn tại Agribank Bắc Giang II, tác giả đề xuất một số các giải pháp nhằm phát triển cho vay qua tổ vay vốn: Xây dựng cơ chế cho vay; Nâng cao chất lượng thẩm định; Đẩy mạnh hoạt động Marketing ngân hàng; nâng cao chất lượng phục vụ; tăng cường các biện pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng; Xây dựng chiến lược khách hàng hợp lý; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ tín dụng; Tăng cường công tác tổ chức thực hiện, công tác phối kết hợp giữa ngân hàng, chính quyền địa phương và các tổ chức hội...</p>
10	<p>NGHIÊN CỨU NHU CẦU LAO ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGOÀI KHU VỰC NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH</p>	Thái Hải Anh	PGS.TS Đỗ Quang Giám	<p>Mục đích nghiên cứu của luận văn</p> <p>Góp phần hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về nhu cầu lao động trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Phân tích, đánh giá nhu cầu lao động của doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh</p> <p>- Định hướng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng lực lượng lao động là thanh niên đáp ứng nhu cầu lao động trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.</p> <p>Các kết quả nghiên cứu đã đạt được:</p> <p>Kết quả nghiên cứu của luận văn đã đi sâu và giải quyết được những vấn đề như sau:</p> <p>Về mặt lý luận, Luận văn đã hệ thống hóa và làm rõ vấn đề lý luận và thực tiễn về nhu cầu lao động của doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước; Nội dung và yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu lao động của doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước. Đồng thời, qua tìm hiểu kinh nghiệm tuyển dụng lao động của một số công ty như Công ty TNHH Samsung Display Bắc Ninh, Công ty TNHH Canon Việt Nam rút ra một số bài học kinh nghiệm từ thực tiễn về xác định nhu cầu và đáp ứng nhu cầu lao động cho các công ty ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.</p> <p>Luận văn đã nghiên cứu tình hình thực tế thông qua thu thập số liệu thống kê tại các cơ quan quản lý, cũng như thu thập ý kiến của doanh nghiệp và người lao động về nhu cầu lao động. Với những kết quả thu được thông qua đánh giá thực trạng nhu cầu lao động trong các DNNKVNN ở thành phố Bắc Ninh và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lao động tại các doanh nghiệp, Luận văn đã tiến hành đánh giá những kết quả đạt được, đúc rút ra những hạn chế và nguyên nhân tồn tại về chất lượng nguồn lao động, đề tư vấn ra những vấn đề cần giải quyết trong phát triển chất lượng nguồn lao động thỏa mãn nhu cầu của doanh nghiệp.</p> <p>Trên cơ sở những định hướng, mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn lao động cho các DNNKVNN ở thành phố Bắc Ninh, luận văn đã đề xuất các giải pháp để tạo điều kiện tốt hơn cho doanh nghiệp trong việc tuyển dụng và người lao động làm việc trong các doanh nghiệp bao gồm: (1) Giải pháp về nâng cao chất lượng đào tạo nghề, dạy nghề cho người lao động; (2) Giải pháp về cơ chế, chính sách và tăng cường quản lý nhà nước; (3) Quy hoạch quản lý các cơ sở đào tạo nghề đảm bảo đào tạo gắn liền với nhu cầu thực tiễn; (4) Giải pháp về đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề; (5) Đầu tư, mở rộng và phát triển Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố; (6) Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp tuyển dụng lao động; (7) Tăng cường công tác tư vấn, định hướng nghề cho thanh niên.</p>
11	<p>QUẢN LÝ THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ, PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH</p>	Nguyễn Trung Giang	PGS.TS. Đỗ Quang Giám	<p>Nội dung bản trích yếu</p> <p>- Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở đánh giá thực trạng về quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ở các xã phường trên địa bàn thành phố Bắc Ninh từ năm 2016 – 2018, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp chủ yếu để hoàn thiện quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả nghiên cứu đã đạt được:</p> <p>Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thông qua các khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.</p> <p>Công tác tổ chức và thực trạng công tác quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Một số hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.</p> <p>Đề xuất 5 nhóm giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp tại xã, phường trên địa bàn thành phố Bắc Ninh; kiến nghị đối với Tổng cục Thuế và UBND tỉnh Bắc Ninh nhằm hoàn thiện quản lý nguồn thu từ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp để tạo sự ổn định cho ngân sách xã.</p>
12	<p>TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦ CÔNG MỸNGHỆ ARTEXPORT</p>	Nguyễn Thái Anh	TS. CHU THỊ KIM LOAN	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Đề tài hướng tới ba mục tiêu chính:</p> <p>- Góp phần hệ thống hóa các cơ sở lý luận và thực tiễn về động lực và tạo động lực cho người lao động trong doanh nghiệp.</p> <p>- Phân tích thực trạng công tác tạo động lực cho người lao động tại Công ty trong thời gian qua.</p> <p>- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác tạo động lực cho người lao động của công ty trong thời gian tới, nhằm</p>

				<p>nâng cao năng suất lao động, giúp doanh nghiệp tăng trưởng về doanh thu và tiết kiệm chi phí.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Qua nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng tạo động lực cho người lao động của công ty, cho thấy những năm vừa qua, công ty đã quan tâm tới công tác tạo động lực cho người lao động. Công ty đã áp dụng đa dạng hình thức tạo động lực lao động bao gồm tạo động lực thông qua yếu tố vật chất và phi vật chất, hướng tới đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Công ty đã áp dụng không chỉ các chính sách tiền lương, tiền thưởng, các phụ cấp, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc, chú trọng tới các hoạt động thi đua khen thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc, tinh cạnh tranh công bằng cho mọi đối tượng lao động; các hoạt động văn hóa xã hội đều được công ty chú ý khuyến khích người lao động tham gia.</p> <p>Tuy nhiên, tạo động lực cho người lao động của công ty vẫn còn một số hạn chế như: việc trả lương còn theo phương thức truyền thống, tiền thưởng chưa được công khai tới toàn thể lao động trực tiếp, điều kiện làm việc còn chật hẹp, các kênh đối thoại giữa cấp quản lý và công nhân chưa đa dạng và các hoạt động ngoại khóa chưa được nhiều lao động trực tiếp hưởng ứng tham gia.</p> <p>Trong thời gian tới để hoàn thiện công tác tạo động lực cho người lao động, công ty nên đồng bộ các giải pháp sau: Hoàn thiện hệ thống trả lương, trả thưởng; Cải tiến môi trường và điều kiện làm việc; Tạo điều kiện phát triển cho người lao động; Cải thiện công cụ tinh thần thông qua bản thân công việc; Xây dựng hệ thống đánh giá cụ thể nhu cầu của người lao động; Xây dựng hệ thống phân tích công việc; Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá thực hiện công việc; Đầu tư các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng; Tăng cường trang bị và cải tiến thiết bị, công nghệ.</p>
13	HOÀN THIỆN QUẢN LÝ CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Thị Oanh	PGS.TS.Đỗ Văn Viện	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Đề tài nghiên cứu đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (BIDV Từ Sơn) những năm gần đây, từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh cho BIDV Từ Sơn những năm tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh của Ngân hàng thương mại. Quản lý cho vay sẽ góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất xã hội, giúp đầu tư đúng hướng để khai thác khả năng tiềm tàng về tài nguyên lao động, đảm bảo cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cân đối giữa các ngành nghề, các khu vực trong cả nước. Ngoài ra, cho vay được quản lý chặt chẽ còn góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định tiền tệ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của đất nước.</p> <p>Quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh sẽ góp phần tăng chất lượng sản xuất kinh doanh và tạo một thị trường tài chính lành mạnh. Quản lý cho vay được đảm bảo cũng có nghĩa là ngân hàng (NH) đang trên đà phát triển tốt, nhờ vậy mà có điều kiện đáp ứng yêu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh của khách hàng. Đối với ngân hàng thương mại quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh giúp cải thiện, tạo ra những thế mạnh trong quá trình cạnh tranh, giúp cho Ngân hàng hạn chế được những rủi ro, những tổn thất to lớn có thể xảy ra, góp phần làm lành mạnh hoá các quan hệ cho vay và tạo điều kiện để mở rộng các quan hệ cho vay. Quản lý cho vay quyết định cho sự tồn tại và phát triển của từng NHTM nói riêng và toàn bộ hệ thống NH nói chung.</p> <p>Nội dung của quản lý hoạt động cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh bao gồm: Lập kế hoạch cho vay; Tổ chức thực hiện hoạt động cho vay; Giám sát, xử lý cho vay; Thanh tra, kiểm tra công tác cho vay. Có 2 yếu tố ảnh hưởng đến quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh bao gồm: Yếu tố chủ quan: Quy mô của NHTMCP, Chính sách tín dụng của Ngân hàng đối với việc quản lý khách hàng cá nhân SXKD, Tổ chức hoạt động cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh, Năng lực quản trị, năng lực điều hành của các cấp có thẩm quyền; Khả năng ứng dụng tiến bộ công nghệ; Chất lượng đội ngũ nhân viên; Hoạt động Marketing. Yếu tố khách quan: Môi trường về kinh tế, chính trị, xã hội; Môi trường văn hóa - xã hội; Môi trường pháp lý; Các yếu tố từ phía khách hàng vay vốn; Các yếu tố cạnh tranh.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh tăng cao qua các năm, theo đúng xu hướng BIDV Từ Sơn đưa ra chủ yếu phát triển Ngân hàng bán lẻ mà trọng tâm là tín dụng bán lẻ trong đó có cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh; Công tác tiếp thị khách hàng được chú trọng nên tạo được thị phần khách hàng lớn; Tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh trong tổng thu nhập của chi nhánh.</p> <p>Nghiên cứu đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý cho vay khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh tại BIDV Từ Sơn, bao gồm 5 giải pháp: (i) Hoàn thiện lập kế hoạch cho vay; (ii) Hoàn thiện tổ chức thực hiện hoạt động cho vay; (iii) Tăng cường giám sát và quản lý sau khi cho vay; (iv) Đào tạo cán bộ và áp dụng linh hoạt quy trình tín dụng phù hợp với đặc điểm chi nhánh; (v) Đổi mới trong công tác luân chuyển cán bộ; (vi) Áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ ngân hàng.</p>
14	PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THẺ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ	Nguyễn Thị Hạnh	PGS.TS. ĐỖ VĂN VIỆN	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển hoạt động dịch vụ thẻ tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Sơn. Từ đó đề xuất giải pháp nhằm phát triển dịch vụ thẻ cho</p>

	PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH			<p>Ngân hàng những năm tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Nghiên cứu đã Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ thẻ tại các Ngân hàng thương mại. Trong đó khẳng định, thẻ ngân hàng ra đời từ nhu cầu thanh toán và phát triển dựa trên nền tảng công nghệ cũng như chiến lược thay thế tiền mặt trong lưu thông, là một phát triển tất yếu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng đồng thời đã và đang phản ánh đầy đủ những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và văn minh xã hội. Thẻ được phát hành dựa trên cơ sở pháp lý của nhà nước sở tại và theo quy định của các tổ chức thế quốc tế. Ngoài ra, còn được phát hành theo nguyên tắc mà ban giám đốc ngân hàng phát hành (Giám đốc- Tổng giám đốc) quy định. Nội dung phát triển của dịch vụ thẻ bao gồm: Gia tăng quy mô dịch vụ thẻ, Nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ được thể hiện ở các tiêu chí đánh giá về phát triển dịch vụ thẻ như: Số lượng thẻ phát hành, Mạng lưới máy rút tiền tự động và đơn vị chấp nhận thẻ, Doanh số thanh toán thẻ, Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, Sự thỏa mãn và hài lòng của khách hàng về dịch vụ, Công nghệ và mạng lưới thanh toán thẻ,.... Có 7 yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của dịch vụ thẻ gồm: Yếu tố công nghệ, Môi trường kinh tế xã hội, Môi trường chính trị pháp luật, Trình độ dân trí, thu nhập của người dân, Đối thủ cạnh tranh, Trình độ nhân lực, Chính sách của ngân hàng với sản phẩm thẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, dịch vụ thanh toán thẻ của BIDV Từ Sơn đạt được trong dịch vụ thanh toán là nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng đồng thời xuất hiện những dấu hiệu chững lại. Mặc dù được đánh giá có chất lượng dịch vụ top đầu nhưng dịch vụ thẻ BIDV Từ Sơn vẫn chưa tạo được điểm nhấn thực sự khác biệt trong bối cảnh cạnh tranh mạnh mẽ hiện nay.</p> <p>Nghiên cứu đã đưa ra những giải pháp có tính thực tiễn nhằm phát triển dịch vụ thẻ của BIDV bao gồm các giải pháp 1) Gia tăng các tiện ích trên thẻ; 2) Hạ thấp hạn mức tối thiểu và phí của thẻ tín dụng; 3) Chú trọng đầu tư và phát triển mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ và kênh phân phối; 4) Kiểm soát rủi ro trong thanh toán; 5) Đẩy mạnh công tác marketing dịch vụ thẻ; 6) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực....</p>
15	PHÁT TRIỂN HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Thị yến	PGS.TS. ĐỖ VĂN VIỆN	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Đề tài nghiên cứu đánh giá thực trạng huy động vốn tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam- chi nhánh Từ Sơn. Từ đó đề xuất các giải pháp phát triển huy động vốn của BIDV Từ Sơn.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Nghiên cứu đã Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển huy động vốn tại các Ngân hàng thương mại. Trong đó khẳng định, vốn là cơ sở để ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh và phát triển dựa trên nền tảng công nghệ cũng như chiến lược phát triển sản phẩm đa dạng, là một phát triển tất yếu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng đồng thời đã và đang phản ánh đầy đủ năng lực tài chính của ngân hàng trong mọi hoạt động kinh doanh. Vốn được huy động từ những khoản vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế thúc đẩy lưu thông tiền tệ. Các hình thức huy động vốn của ngân hàng bao gồm: Huy động vốn từ hoạt động tiền gửi, Huy động vốn thông qua thị trường tiền tệ, Huy động vốn thông qua hoạt động cho vay. Có 8 yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển của huy động vốn gồm: Lãi suất huy động vốn của ngân hàng, Các dịch vụ cung ứng của ngân hàng, tính an toàn của tiền gửi, đội ngũ cán bộ, danh tiếng uy tín của ngân hàng, môi trường kinh tế -xã hội, môi trường chính trị pháp luật, yếu tố tâm lý thói quen tiêu dùng.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy, huy động vốn của BIDV Từ Sơn đạt được trong thời gian qua là đáng kể song chưa tương xứng với tiềm năng đồng thời xuất hiện những dấu hiệu giảm. Mặc dù được đánh giá có chất lượng dịch vụ tốt nhưng hoạt động huy động vốn BIDV Từ Sơn vẫn chưa tạo được điểm nhấn khác biệt so với các ngân hàng khác trong bối cảnh cạnh tranh mạnh mẽ hiện nay.</p> <p>Nghiên cứu đã đưa ra những giải pháp có tính thực tiễn nhằm phát triển huy động vốn của BIDV bao gồm 9 giải pháp: (1) Xây dựng chiến lược trong cơ cấu huy động vốn; (2) Tăng cường các hoạt động tiếp thị, quảng cáo trong huy động vốn;(3) Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng; (4) Đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ Ngân hàng; (5)Thực hiện chiến lược cạnh tranh huy động vốn năng động và hiệu quả; (6) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; (7) Đầu tư hoàn thiện và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng; (8) Xây dựng chính sách lãi suất linh hoạt; (9) Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn tăng cường các khoản thu từ dịch vụ.</p>
16	PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	Nguyễn Thị Thanh	PGS.TS. ĐỖ VĂN VIỆN	<p>Mục tiêu nghiên cứu</p> <p>Đề tài nghiên cứu đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong những năm gần đây, từ đó đưa ra những giải pháp đẩy mạnh phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV những năm tới</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại BIDV. Hoạt động TTQT phát triển sẽ giúp cho NHTM thu hút được nhiều khách hàng và mở rộng thị trường; tạo điều kiện cho NHTM tăng doanh thu và lợi nhuận; góp phần mở rộng quy mô và mạng lưới ngân hàng; tạo điều kiện cho ngân hàng phân tán bớt rủi ro. Hoạt động TTQT đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo điều kiện thúc đẩy hàng hóa phát triển; là cầu nối gắn kết kinh tế trong</p>

				<p>nước với kinh tế thế giới, thực hiện chính sách kinh tế mở cửa; là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại của đất nước; góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập.</p> <p>Nội dung phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại ngân hàng thương mại bao gồm: Đa dạng hóa các phương thức TTQT; Tăng quy mô hoạt động TTQT như tăng doanh số TTQT, gia tăng số lượng khách hàng tham gia thực hiện TTQT, gia tăng thị phần, gia tăng các ngân hàng đại lý; Nâng cao chất lượng hoạt động TTQT như sự hài lòng của khách hàng, thời gian thanh toán, hạn chế mức độ rủi ro trong TTQT; Nâng cao hiệu quả kinh doanh hoạt động TTQT. Có 2 yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển hoạt động TTQT: Yếu tố khách quan: Môi trường kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và trên thế giới; Môi trường pháp lý; Rủi ro trong TTQT; Khách hàng. Yếu tố chủ quan: Năng lực tài chính của NHTM; Năng lực quản trị của NHTM; Nguồn nhân lực; Nền tảng công nghệ thông tin; Hệ thống mạng lưới NHTM; Hoạt động Marketing của ngân hàng.</p> <p>Qua đánh giá thực trạng phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho thấy: Doanh số thanh toán quốc tế tăng dần qua các năm, năm 2016, tổng doanh số TTQT của cả hệ thống là 21,62 tỷ USD với tổng số món là 223.136 món thì đến năm 2018, tổng doanh số TTQT đạt 29,07 tỷ USD với tổng số món là 267.709 món tăng 7,45 tỷ USD tương ứng với 44.573 món. Doanh số phí dịch vụ TTQT tăng tương đối, năm 2016 phí dịch vụ TTQT là 575 tỷ VNĐ thì đến năm 2018 phí dịch vụ TTQT là 875,8 tỷ VNĐ tăng 300,8 tỷ VNĐ. Số lượng khách hàng tham gia hoạt động xuất nhập khẩu cũng gia tăng, năm 2016, tổng số lượng khách hàng XNK là 7.425 khách hàng thì đến năm 2018, tổng số lượng khách hàng XNK tăng 481 khách hàng đạt 7.906 khách hàng. Thị phần thanh toán XNK của BIDV cũng ngày càng lớn mạnh, hiện BIDV đang đứng vị trí thứ ba sau ngân hàng Vietcombank, ngân hàng Vietinbank và đang có xu hướng gia tăng thị phần rút ngắn khoảng cách với vị trí thứ nhất và thứ hai. Bên cạnh những kết quả đạt được phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam vẫn còn những tồn tại cần khắc phục như: Trình độ cán bộ TTQT chưa đồng đều; Hệ thống thông tin còn nhiều bất cập; Sản phẩm dịch vụ TTQT chưa đa dạng, còn nhiều dịch vụ TTQT hiện đại chưa được áp dụng; Chưa tạo được dịch vụ khép kín nhằm thu hút các khách hàng XNK...</p> <p>Thông qua nghiên cứu chúng tôi đề xuất một số nhóm giải pháp đẩy mạnh phát triển hoạt động thanh toán quốc tế tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời gian tới như sau: Nhóm giải pháp về quản trị điều hành; Nhóm giải pháp về sản phẩm dịch vụ TTQT; Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực; Nhóm giải pháp về khách hàng...</p>
17	TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TẠI HUYỆN GIA BÌNH, BẮC NINH	Nguyễn Thị Thảo	TS. Nguyễn Thị Thủy	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Đề tài tiến hành phân tích thực trạng xây dựng nông thôn mới và những tác động của việc xây dựng nông thôn mới tới phát triển kinh tế xã hội tại huyện Gia Bình từ đó đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng nông thôn mới đạt kết quả cao trong phát triển kinh tế xã hội ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Luận văn đã đưa ra những kết luận chủ yếu sau:</p> <p>Phân tích thực trạng chương trình xây dựng nông thôn mới ở huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh và tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến phát triển kinh tế xã hội huyện Gia Bình. Chương trình xây dựng nông thôn mới tác động đến phát triển kinh tế của hộ nông dân, thu nhập của hộ sau nông thôn mới tăng lên, trong đó cơ cấu thu nhập cũng có sự thay đổi đáng kể, thu nhập từ nông nghiệp giảm đi trong khi thu nhập từ tiền công, tiền lương và làm thuê tăng lên. Bên cạnh đó chương trình xây dựng nông thôn mới tác động đến xã hội gồm có: tác động đến phân loại hộ, số hộ nghèo và cận nghèo giảm, số hộ có mức sống trung bình tăng; tác động đến việc làm của hộ, hộ có nhiều việc làm hơn, thời gian làm việc cũng tăng, tỷ lệ lao động thất nghiệp và bán thất nghiệp giảm; tác động đến đời sống vật chất, tinh thần của hộ, đời sống của hộ được nâng cao nhưng do thời gian làm việc tăng dẫn đến thời gian chăm sóc gia đình, con cái bị giảm đi, thiếu sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình. Ngoài ra chương trình xây dựng nông thôn mới còn tác động đến môi trường, sau nông thôn mới đa số các hộ hiện nay được dùng nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh và có tham gia đóng góp vệ sinh môi trường.</p> <p>Từ đó đề tài đã đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng nông thôn mới đạt kết quả cao trong thời gian tới như: nâng cao nhận thức cho cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên và nông dân trong công tác vận động nông dân xây dựng nông thôn mới; đổi mới nội dung và phương thức vận động nông dân xây dựng nông thôn mới của các đảng bộ xã; đổi mới cơ chế, chính sách; tăng cường nguồn lực cho công tác vận động nông dân xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH-CN vào phát triển KT-XH của huyện.</p>
18	GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THẺ TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM, CHI NHÁNH KCN TIỀN SƠN BẮC NINH	Đỗ Thị Thúy Hằng	TS. Chu Thị Kim Loan	<p>Dịch vụ thẻ ngân hàng ngày càng được ưa chuộng tại Việt Nam bởi tính tiện ích mà nó mang lại cho người sử dụng, ngân hàng cung cấp và cả xã hội. Với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, kết cấu dân số trẻ và sự nở rộ các dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam, dịch vụ thẻ nói riêng và các dịch vụ phi tín dụng của ngân hàng nói chung ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, tạo dựng uy tín và gia tăng lợi nhuận cho các ngân hàng.</p> <p>Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trong những năm tới với điều kiện kinh tế xã hội của nước ta, dịch vụ ngân hàng bán lẻ và cụ thể là dịch vụ thẻ ngày càng được đầu tư và phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Năm bắt xu hướng này ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh KCN Tiên Sơn Bắc Ninh cần</p>

				<p>phát triển dịch vụ thẻ và tận dụng ưu thế của ngân hàng có mạng lưới lớn nhất Việt Nam để gia tăng thị phần trên thị trường dịch vụ thẻ.</p> <p>Trong những năm gần đây, mặc dù gia nhập thị trường chậm hơn so với các đối thủ, nhưng dịch vụ thẻ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh KCN Tiên Sơn Bắc Ninh đã đạt được nhiều kết quả tích cực: luôn nằm trong top 3 những ngân hàng có số lượng thẻ phát hành lớn nhất cũng như doanh số giao dịch qua thẻ lớn nhất, tốc độ tăng trưởng dịch vụ thẻ ổn định qua các năm trên địa bàn ... Tuy nhiên, bên cạnh đó dịch vụ thẻ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh KCN Tiên Sơn Bắc Ninh còn gặp nhiều hạn chế về tính năng của sản phẩm, công nghệ áp dụng, mạng lưới ATM, POS... và chịu sức ép cạnh tranh mạnh mẽ của các ngân hàng xung quanh.</p> <p>Trước thực trạng trên, tác giả đã mạnh dạn đánh giá những mặt hạn chế, phân tích các nguyên nhân và đề xuất những giải pháp, kiến nghị để phát triển dịch vụ thẻ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh KCN Tiên Sơn Bắc Ninh. Hi vọng với những nghiên cứu của luận văn này, tác giả có thể mang đến cái nhìn khách quan về phát triển dịch vụ thẻ hiện nay và đóng góp một số giải pháp thiết thực để phát triển dịch vụ thẻ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh KCN Tiên Sơn Bắc Ninh ngày càng phát triển hơn nữa.</p>
19	PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH KINH BẮC, TỈNH BẮC NINH	Nghiêm Thị Mai	PGS. TS. BÙI THỊ NGÀ	<p>Mục đích nghiên cứu Phân tích thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc (BIDV Kinh Bắc) từ đó đưa ra giải pháp đẩy mạnh phát triển thị trường bans cho vay DNNVV tại BIDV Kinh Bắc.</p> <p>- Về lý luận: góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ NHBL tại các ngân hàng thương mại.</p> <p>- Về thực tiễn: Đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ NHBL của ngân hàng BIDV Kinh Bắc trong thời gian vừa qua. Đề xuất giải pháp đẩy mạnh phát triển dịch vụ NHBL tại ngân hàng BIDV Kinh Bắc</p> <p>Kết quả chính và kết luận Luận văn đã đi sâu tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về dịch vụ NHBL, kinh nghiệm hỗ trợ phát triển NHBL của các NHTM từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho BIDV Kinh Bắc.</p> <p>Luận văn cũng chỉ rõ thực trạng phát triển dịch vụ NHBL tại BIDV Kinh Bắc ngoài những mặt tích cực như tăng số lượng khách hàng cá nhân từ 14.979 lên tới 33.949 khách hàng cá nhân, đồng thời tăng doanh số bán lẻ cho đối tượng này thì công tác phát triển dịch vụ dịch vụ NHBL của ngân hàng cũng còn nhiều hạn chế.</p> <p>Nghiên cứu cũng chỉ ra để phát triển dịch vụ NHBL thì Ngân hàng BIDV Kinh Bắc cần thực hiện đồng bộ 4 gói giải pháp từ việc cần thay đổi quan điểm trong phát triển dịch vụ NHBL, Giải pháp đa dạng hóa phát triển dịch vụ NHBL bao gồm các nhóm giải pháp cụ thể, nâng cao chất lượng dịch vụ NHBL, Xây dựng chính sách khách hàng riêng đối với khách hàng bán lẻ để tiết kiệm về lãi suất và phí, Xây dựng ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong hoạt động bán lẻ. Tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm, thương hiệu và chăm sóc khách hàng, Thành lập bộ phận thu thập, xử lý thông tin và bộ phận chuyên phục vụ chăm sóc khách hàng vip. Trong đó giải pháp về lãi suất và phí cần xác định nhanh chóng để phát triển dịch vụ cho đối tượng này.</p>
20	PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH KINH BẮC, TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Thị Lan	PGS.TS. BÙI THỊ NGÀ	<p>Mục đích nghiên cứu Hiện nay, trong xu thế phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ kỹ thuật, ngành ngân hàng nói chung cũng như lĩnh vực thanh toán nói riêng đã và đang bị tác động vô cùng mạnh mẽ. phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử là xu hướng tất yếu mang tính quan trọng trong nền kinh tế hiện đại, là kết quả tất yếu của quá trình phát triển công nghệ thông tin trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: “Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực. Mục tiêu nghiên cứu đề tài (1) Góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại; (2) Đánh giá thực trạng và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử của ngân hàng BIDV Kinh Bắc trong thời gian vừa qua; (3) Đề xuất một số giải pháp để phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng BIDV Kinh Bắc trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Kết quả nghiên cứu Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh cho thấy: BIDV đã xây dựng mục tiêu chiếm lĩnh phần lớn thị phần dịch vụ ngân hàng điện tử ở Việt Nam bằng chất lượng dịch vụ, sự chăm sóc tận tình chu đáo và sự thấu hiểu nhu cầu của khách hàng từ việc phát triển về mặt qui mô cho tới nâng cao về mặt chất lượng các dịch vụ ngân hàng điện tử hiện đại của các chi nhánh trên toàn quốc. Tại Bắc Ninh, BIDV Kinh Bắc đã triển khai rộng rãi các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử: dịch vụ thẻ, dịch vụ BIDV Mobile Banking, BIDV Home Banking và BIDV Internet Banking. Trong đó chi nhánh đã bước đầu có những kết quả tốt về phát triển thẻ GNNĐ, dịch vụ BIDV Smart Banking, Bankplus. Tuy nhiên các dịch vụ khác như thẻ GNQT, thẻ TDQT, BIDV Home Banking, Internet Banking mà cụ thể là BIDV Business Online còn cần phải đẩy mạnh nhiều hơn nữa do số lượng</p>

				<p>KH sử dụng dịch vụ còn nhỏ bé, thu nhập từ các dịch vụ này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập từ dịch vụ NHĐT tại chi nhánh, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của địa bàn tỉnh. Đây là những sản phẩm chủ lực, có tiềm năng phát triển và là một xu thế tất yếu của thị trường về dịch vụ ngân hàng hiện đại. Từ những hạn chế đó, việc tìm ra các giải pháp để phát triển dịch vụ NHĐT tại BIDV Kinh Bắc là rất cần thiết và có ý nghĩa. Để phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới thì hệ thống các giải pháp cần được thực hiện bao gồm: Phát triển dịch vụ thẻ; Phát triển dịch vụ BIDV Mobile Banking; Phát triển dịch vụ Home Banking và Internet Banking ở cả phát triển về quy mô và chất lượng.</p>
21	<p>QUẢN LÝ HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH KINH BẮC, TỈNH BẮC NINH</p>	Nguyễn Thị Thu Hằng	TS. Phạm Thị Hương Dịu	<p>Mục tiêu nghiên cứu Luận văn đánh giá thực trạng và yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian qua, từ đó đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý huy động vốn cho Chi nhánh trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả nghiên cứu và kết luận: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh được hình thành và phát triển trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ năm 2015, là Chi nhánh cấp 1 của BIDV, được xây dựng trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại. Khách hàng mục tiêu là dân cư trong khu vực và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tuy nhiên, thực tiễn trong những năm gần đây, chi nhánh tuy đạt được những kết quả nhất định, nhưng vẫn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục, đặc biệt là trong công tác huy động vốn. Hoạt động huy động vốn của chi nhánh còn một số bất cập như: cơ cấu huy động vốn chưa thực sự hợp lý, một số nguồn vốn biến động bất thường, sử dụng vốn chưa linh hoạt... Những vấn đề trên đặt ra yêu cầu cần phải nghiên cứu thực trạng quản lý huy động vốn, để đưa ra những biện pháp khắc phục hợp lý.</p> <p>Nghiên cứu đã bàn luận những khái niệm về huy động vốn, các hình thức huy động vốn, khái niệm về quản lý huy động vốn tại ngân hàng. Nội dung nghiên cứu là lập kế hoạch huy động vốn của ngân hàng, tổ chức thực hiện huy động vốn, kiểm tra, giám sát thực hiện huy động vốn và kết quả quản lý huy động vốn tại ngân hàng. Cơ sở thực tiễn nghiên cứu tình hình huy động vốn tại một số ngân hàng như ngân hàng quân đội, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho huy động vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Kinh Bắc. Trong quãng thời gian hoạt động của mình, BIDV – Kinh Bắc đã đạt được những thành công nhất định trong quản lý huy động vốn đạt 100,64% kế hoạch đặt ra cho năm 2018, nguồn vốn ổn định và tăng dần trong giai đoạn 2016-2018. Tuy nhiên, chi nhánh vẫn còn một số hạn chế ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh như cơ cấu nguồn vốn chưa phù hợp tốc độ tăng trưởng huy động vốn TCKT và ĐCTC (21,14%) vẫn lớn hơn tốc độ tăng trưởng huy động vốn KHCN (14,1 %) do đó chưa đạt mục tiêu cải thiện tỷ trọng huy động vốn KHCN và TCKT trong tổng HDV của Chi nhánh.</p> <p>Những hạn chế kể trên, ngoài những nguyên nhân khách quan như sự cạnh tranh khốc liệt từ những ngân hàng, công ty tài chính khác, thì những nguyên nhân chủ quan cũng có tác động không nhỏ, đó là: chính sách huy động vốn của ngân hàng chưa gắn liền với vị thế và điều kiện của ngân hàng, lãi suất thiếu linh động và không có sức cạnh tranh cao; mặt khác các dịch vụ kèm theo các dịch vụ tiền gửi vẫn chưa đa dạng, mang tính hình thức; đặc biệt là hoạt động cho vay chưa phù hợp với nguồn vốn huy động được.</p> <p>Để giải quyết những vấn đề trên, luận văn đưa ra một số giải pháp, có thể kể đến, đó là cơ cấu nguồn vốn theo hướng gia tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn, nguồn vốn giá rẻ tiết kiệm chi phí vốn, đồng thời gia tăng số lượng khách hàng giao dịch tại Chi nhánh. Đánh giá và đưa ra các biện pháp, chính sách khuyến khích đối với nhóm đối tượng khách hàng không có quan hệ tín dụng tại chi nhánh. Mặt khác, quản lý nguồn vốn theo đúng phương pháp, mục tiêu.</p>
22	<p>GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY CHO VAY ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU - CHI NHÁNH HÀ NỘI</p>	Phạm Văn Dương	PGS.TS. Trần Hữu Cường	<p>Mục đích nghiên cứu Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng hoạt động cho vay đối với DNNVV của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hà Nội, đề xuất giải pháp khắc phục các tồn tại nhằm thúc đẩy cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu trong những năm tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Qua nghiên cứu Giải pháp thúc đẩy cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội cho thấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng phát triển chung và những kết quả đạt được về hoạt động cho vay đối với DNNVV của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội. - Thu nhập từ hoạt động cho vay doanh nghiệp của chi nhánh liên tục tăng trưởng qua các năm. Ngoài ra chi nhánh phát triển được thêm các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, nâng cao uy tín, thị phần và khả năng cạnh tranh đồng thời thông qua các giao dịch của khách hàng chi nhánh có thêm nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ đi kèm đóng góp đáng kể vào lợi nhuận chung của chi nhánh. - Do có định hướng cụ thể của chi nhánh trong việc phát triển cho vay doanh nghiệp nên việc gia tăng về loại

				<p>hình doanh nghiệp, sản phẩm và ngành nghề cho vay trong những năm gần đây thể hiện sự nỗ lực của chi nhánh trong việc cơ cấu nền khách hàng. Hiện nay nhóm khách hàng khác ngoài nhóm xây dựng, thương mại hàng tiêu dùng, sản xuất phân phối máy móc thiết bị đã có mức tăng trưởng ấn tượng trong năm 2018 với dư nợ tăng thêm 376 tỷ đồng tăng 32.7% so với năm 2016.</p> <p>- Các giải pháp cơ bản nhằm thúc đẩy cho vay đối với DNNVV của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội gồm: i) Cơ cấu lại khách hàng DNNVV hiện có, lựa chọn khách hàng tốt để mở rộng, nâng cao hiệu quả cho vay; ii) nâng cao chất lượng thẩm định trước khi cho vay; iii) tăng cường vai trò tư vấn, tạo lập mối quan hệ chặt chẽ giữa DN và NH; iv) Các giải pháp hỗ trợ khác.</p>
23	<p>HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT ĐỂ TÍNH TIỀN THUÊ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP CHO CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH</p>	Phạm Thị Kim Oanh	PGS TS. Trần Hữu Cường	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Việc lựa chọn đề tài này giúp tác giả mở rộng kiến thức về công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Thái Bình, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất. - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp cho các doanh nghiệp thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố Thái Bình trong thời gian qua. - Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp cho các doanh nghiệp thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố Thái Bình đồng thời đảm bảo tính khoa học và thực tiễn của giá thuê đất, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước và các doanh nghiệp trong quá trình thuê đất thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Thái Bình. <p>Kết quả nghiên cứu và kết luận</p> <p>Tài chính về đất đai ngày càng có ý nghĩa quan trọng cho các hoạt động kinh tế xã hội, góp phần lớn giúp tăng thu ngân sách địa phương trong đó công tác định giá đất nói chung và công tác định giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất sản xuất kinh doanh nói riêng ngày càng được quan tâm, đặt ra những yêu cầu cao hơn về độ chính xác và hiệu quả. Công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất tại thành phố Thái Bình được triển khai thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình thực hiện cũng đã có nhiều vướng mắc, bất cập trong thực tiễn ảnh hưởng đến kết quả xác định nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Để đạt được sự đồng bộ, chất lượng, hiệu quả của công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất sản xuất kinh doanh cần có sự nghiên cứu để đưa ra những giải pháp bao gồm những giải pháp về quy định pháp lý có liên quan, giải pháp về phương pháp, trình tự, thủ tục định giá đất, dữ liệu thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về giá đất và chính sách tài chính về đất đai.</p> <p>Luận văn đã phân tích, đánh giá tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoàn thiện công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Thái Bình, nó có vai trò quan trọng đến hoạt động kinh tế, xã hội của địa phương. Bên cạnh những kết quả đạt được thì trong công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh vẫn còn tồn tại những hạn chế, yếu kém cần khắc phục.</p> <p>Để hoàn thiện công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Thái Bình thì đòi hỏi phải có sự phối hợp của các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương. Đặc biệt địa phương cần thực hiện tốt các giải pháp; hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách về tài chính đất đai phù hợp với thực tế; củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ trực tiếp làm công tác xác định giá đất; tăng cường thanh tra, kiểm tra nhằm hoàn thiện công tác xác định giá đất để tính tiền thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp cho các doanh nghiệp trong thời gian tới.</p>
24	<p>CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LAO ĐỘNG TRONG NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH</p>	Ngô Ngọc Trường	TS. Nguyễn Quốc Chính	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Bên cạnh những tác động tích cực thì quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa làm cho diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, nông dân bị mất tư liệu sản xuất, tình trạng lao động nông nghiệp dư thừa và thất nghiệp trong nông thôn ngày càng gia tăng, đã tất yếu dẫn đến việc chuyển đổi cơ cấu lao động và việc làm của người dân, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của họ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: “Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực.</p> <p>Mục tiêu nghiên cứu đề tài (1) Góp phần hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về chuyển dịch CCLĐ trong nông nghiệp; (2) Phân tích thực trạng và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển dịch CCLĐ trong nông nghiệp tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian gần đây; (3) Đề xuất giải pháp nhằm tăng cường chuyển dịch CCLĐ trong nông nghiệp cho huyện trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Kết quả nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cho thấy: Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp của huyện đã góp phần trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, thực hiện chủ trương công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của huyện đã đề ra. Trong quá trình thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động đã thực hiện theo hướng tăng dần tỷ trọng lao động tham gia vào ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp. Trong nội bộ ngành</p>

				<p>nông nghiệp tỷ trọng lao động trong chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp ngày càng tăng lên; tỷ trọng lao động trong trồng trọt giảm đi. Trong quá trình thực hiện đã giải quyết được nhiều việc làm cho lao động nông nghiệp nông thôn và tạo được nguồn thu nhập ổn định. Định hướng chuyển đổi nghề, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp nông thôn được thực hiện hiệu quả, chất lượng nguồn nhân lực ngày càng tăng lên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Bên cạnh những kết quả đạt được quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp của huyện còn một số hạn chế nhất định: Một số cơ chế chính sách không còn phù hợp với lao động nông nghiệp nông thôn như chính sách hỗ trợ lao động học nghề, đào tạo nghề không còn phù hợp với tình hình thực tế. Mức vay hỗ trợ cho chuyển đổi một số ngành nghề nông nghiệp còn thấp khó khăn cho việc thu hút lao động vào ngành nông nghiệp. Chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp còn chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra.</p> <p>Để tăng cường chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới thì hệ thống các giải pháp cần được thực hiện bao gồm: Hoàn thiện chính sách giải quyết việc làm; Đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp nông thôn trên địa bàn huyện Tiên Du; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn; Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa chính quyền với doanh nghiệp và người nông dân trong việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn.</p>
25	HOÀN THIỆN TỔ CHỨC NHÂN LỰC TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ TỪ SON	Phạm Thị Giang	PGS.TS. Trần Hữu Cường	<p>Nghiên cứu Hoàn thiện tổ chức Nhân lực tại Trung tâm Y tế thị xã Từ Sơn tập trung vào 3 mục tiêu sau: Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức nhân lực ở Trung tâm y tế cấp thị xã.</p> <p>Phân tích thực trạng tổ chức nhân lực ở Trung tâm y tế thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh.</p> <p>Qua nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác tổ chức nhân lực tại Trung tâm Y tế thị xã Từ Sơn”, cho thấy: Thực trạng công tác tổ chức nhân lực còn nhiều hạn chế: Số lượng cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao từ cao đẳng trở lên còn rất thấp; hiện tại Trung tâm vẫn đang thiếu biên chế do tăng giường bệnh mà không bổ sung chỉ tiêu biên chế; tỷ lệ cán bộ Nữ trong độ tuổi sinh đẻ, nghỉ đẻ nhiều gây tình trạng thiếu nhân lực áo; nhiều cán bộ trẻ trình độ chuyên môn chưa cao, ít kinh nghiệm lâm sàng, đội ngũ cán bộ quản lý các khoa phòng còn thiếu về số lượng, kinh nghiệm quản lý còn hạn chế; không tuyển được cán bộ có chuyên môn đang cần dẫn đến thiếu nhân lực, từ đó nhân viên phải làm việc hết mình để hoàn thành công việc.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có một số yếu tố ảnh hưởng đến Công tác tổ chức nhân lực tại Trung tâm Y tế thị xã Từ Sơn bao gồm: Sứ mệnh, mục tiêu chiến lược kinh doanh; Số lượng, chất lượng của nhân viên; môi trường làm việc; cơ sở vật chất, trang thiết bị; khả năng tài chính; trình độ của nhà quản trị; quy mô và thứ hạng của Trung tâm; văn hóa của Trung tâm.</p> <p>Để nâng hoàn thiện công tác tổ chức nhân lực tại Trung tâm Y tế thị xã Từ Sơn trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau: Quan điểm, mục tiêu, định hướng; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy; nâng cao hiệu quả công tác bố trí và sử dụng cán bộ, viên chức, người lao động trong Trung tâm; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nhân viên; kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý; tăng cường vai trò của các hội đồng chuyên môn; giải pháp nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư mua sắm thêm trang thiết bị; giải pháp về phương pháp mối quan hệ cá nhân; xây dựng một môi trường làm việc văn hóa.</p>
26	GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CÔNG CHỨC CỤC THỐNG KÊ TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Huệ	PSG.TS. Trần Hữu Cường	<p>Trên cơ sở đánh giá thực trạng năng lực công chức Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực công chức Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh trên địa bàn nghiên cứu nhằm mục tiêu cải thiện chất lượng số liệu thống kê đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội trong thời gian tới.</p> <p>Qua nghiên cứu đề tài “Nâng cao năng lực công chức Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh”, cho thấy: Thực trạng năng lực công chức Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh còn nhiều hạn chế: Tỷ lệ công chức CTK tỉnh Bắc Ninh và Chi cục Thống kê cấp huyện có trình độ trên Đại học lần lượt chiếm 72,7% và 52,9% tổng số công chức của ngành. Tuy nhiên, trình độ được đào tạo đúng chuyên ngành thống kê lần lượt chỉ là 0% và 35%. Tỷ lệ công chức CTK tỉnh Bắc Ninh và Chi cục Thống kê cấp huyện có trình độ lý luận chính trị sơ cấp và chưa qua đào tạo vẫn chiếm tỷ lệ khá cao lần lượt là 6,4% và 35,3%. Tỷ lệ công chức CTK tỉnh Bắc Ninh và Chi cục Thống kê cấp huyện chưa qua đào tạo về quản lý Nhà nước vẫn chiếm tới 6,4% và 29,4%. Tỷ lệ công chức CTK tỉnh và Chi cục Thống kê cấp huyện chưa sử dụng chưa tốt máy vi tính lần lượt là 2% và 7%. Có 12,5% công chức CTK tỉnh Bắc Ninh không biết làm báo cáo phân tích thống kê. Có 10% công chức CTK tỉnh Bắc Ninh còn yếu về công tác dự báo thống kê. Có 12,5% công chức CTK tỉnh Bắc Ninh có tinh thần, ý thức trách nhiệm đối với thực thi công vụ còn chưa tốt. Có 12,5% công chức CTK tỉnh Bắc Ninh tinh thần hợp tác, phối hợp, làm việc nhóm còn chưa tốt. Còn 10% công chức CTK tỉnh Bắc Ninh tinh thần, ý thức học tập, rèn luyện về đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ chưa tốt. Có 15% công chức CTK tỉnh Bắc Ninh phục vụ còn chưa được hài lòng của chính quyền các cấp và các đối tượng dùng tin. Qua kết quả đánh giá khảo sát người sử dụng thông tin thống kê thì có: Có 13,5% người sử dụng thông tin thống kê không chính xác. Còn 33,3% người sử dụng thông tin thống kê đánh giá còn chưa kịp thời. Có 25% người sử dụng thông tin thống kê chưa đầy đủ và có 25% đánh giá chưa hài lòng khi sử dụng thông tin thống kê.</p> <p>Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có một số yếu tố ảnh hưởng đến năng lực công chức Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh bao gồm: Chính sách tuyển dụng; công tác đào tạo, bồi dưỡng; tiền lương, thu nhập và</p>

				<p>chế độ đãi ngộ; môi trường và điều kiện làm việc; công tác đánh giá, quản lý, kiểm tra, giám sát công chức; sử dụng công chức; các yếu tố về phía bản thân công chức; phong cách người lãnh đạo; văn hóa tổ chức.</p> <p>Đề nâng cao năng lực công chức Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyển dụng công chức; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức; đổi mới chế độ, chính sách tiền lương với công chức CTK tỉnh Bắc Ninh; tăng cường cơ sở vật chất, cải thiện môi trường làm việc cho công chức CTK tỉnh Bắc Ninh; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá công chức; nâng cao hiệu quả công tác bố trí, sử dụng công chức; đổi mới phương thức đánh giá, phân loại công chức; nâng cao hơn nữa vai trò của nhà lãnh đạo của đơn vị; các giải pháp từ năng lực cá nhân của công chức CTK tỉnh Bắc Ninh.</p>
27	PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH TỪ SON, TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Thị Thùy Dung	PGS.TS. Lê Hữu Ảnh	<p>Mục tiêu nghiên cứu</p> <p>Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Từ Sơn thời gian qua để đề xuất các giải pháp nhằm phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Từ Sơn thời gian tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Hệ thống hóa những vấn đề về lý luận và thực tiễn về phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại</p> <p>Nghiên cứu và phân tích, đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Từ Sơn theo 4 nội dung sau: Phát triển đa dạng các loại hình sản phẩm ngân hàng điện tử; Phát triển khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử; Phát triển doanh số thu được từ dịch vụ ngân hàng điện tử;</p> <p>Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Từ Sơn từng bước đa dạng các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu của thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ; Mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao doanh số, tăng lợi nhuận và thu nhập; nâng cao khả năng cạnh tranh và mở ra tiềm lực cho BIDV Từ Sơn phát triển. Tuy nhiên vẫn còn không ít những hạn chế. Cụ thể: Tiềm ích dịch vụ ngân hàng điện tử cung cấp chưa phong phú, đa dạng; số lượng khách hàng quan tâm và sử dụng loại hình dịch vụ mới còn tương đối ít; Vẫn xảy ra lỗi trong quá trình giao dịch; Doanh thu từ phí dịch vụ ngân hàng điện tử vẫn còn thấp.</p> <p>Luận văn đã nghiên cứu và đề xuất 5 giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn để khắc phục những hạn chế còn tồn tại trên như: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của BIDV chi nhánh Từ Sơn; Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro trong BIDV chi nhánh Từ Sơn; Đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng điện tử; Đẩy mạnh quảng bá dịch vụ ngân hàng điện tử; Nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử. Những giải pháp này góp phần hoàn thiện công tác phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Từ Sơn.</p>
28	QUẢN TRỊ RỦI RO DỊCH VỤ CHO VAY TẠI PHÒNG GIAO DỊCH NGUYỄN GIA THIỀU, NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM, CHI NHÁNH KCN QUẾ VỖ, TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Thành Kiên	TS. Phí Thị Diễm Hồng TS. Nguyễn Thị Thùy	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Trong các hoạt động kinh doanh của ngân hàng, hoạt động cho vay là một trong các hoạt động chính tạo ra lợi nhuận cho NHTM. Tuy nhiên đây cũng là một trong những hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Để phòng ngừa rủi ro trong hoạt động cho vay trong giai đoạn hiện nay với sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường, các NHTM cần phải có những chiến lược kinh doanh dài hơn với phương châm phát triển một cách bền vững, và quan tâm nhiều hơn đối với công tác quản trị rủi ro dịch vụ cho vay. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: “Quản trị rủi ro dịch vụ cho vay tại Phòng giao dịch Nguyễn Gia Thiều Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh KCN Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực. Mục tiêu nghiên cứu đề tài (1) Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị rủi ro dịch vụ cho vay các NHTM hiện nay; (2) Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro dịch vụ cho vay tại Phòng giao dịch Nguyễn Gia Thiều Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh KCN Quế Võ thời gian vừa qua; (3) Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị rủi ro dịch vụ cho vay khách hàng tại Phòng giao dịch Nguyễn Gia Thiều Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh KCN Quế Võ.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Kết quả nghiên cứu Quản trị rủi ro dịch vụ cho vay tại Phòng giao dịch Nguyễn Gia Thiều Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh KCN Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cho thấy: năm 2016 tổng số lượt khách hàng là 730 lượt, đến năm 2017 tăng lên là 970 lượt và năm 2018 đã đạt được tổng số 1.376 lượt, tăng thêm 406 lượt so với năm 2017. Tỷ lệ nợ quá hạn chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với tổng dư nợ cho vay. Có thể nói hoạt động tín dụng của PGD là khá ổn định, tỷ lệ nợ quá hạn năm 2016 và 2017 rất thấp đối với cả 2 nhóm là khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Đối với khách hàng doanh nghiệp tổng số nợ xấu trong năm 2016 là 0,31 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 0,62% trong tổng dư nợ, năm 2017 tỷ lệ nợ xấu giảm đi còn 0,26 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 0,43% trong tổng dư nợ. Tuy nhiên năm 2018 mặc dù tổng dư nợ tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp gần như không tăng nhưng có một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ nên tỷ lệ nợ xấu tăng lên đáng kể ở mức 0,68 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 1,12% trong tổng dư nợ. Dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay của PGD Nguyễn Gia Thiều đã phân</p>

				<p>ánh đúng thực trạng hoạt động tín dụng, việc tăng trích lập “dự phòng chung” là điều tất yếu trong tăng trưởng hoạt động cho vay. Phòng giao dịch Nguyễn Gia Thiều Vietinbank, Chi nhánh KCN Quế Võ luôn luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác QTRR dịch vụ cho vay. Chính vì vậy hoạt động QTRR dịch vụ cho vay tại PGD được quan tâm đúng mức và thực hiện tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, do quy mô PGD nhỏ nên chưa có bộ máy QTRR riêng biệt mà chỉ được thực hiện chủ yếu bởi lãnh đạo phòng và nhân viên tín dụng. Để làm tốt công tác QTRR dịch vụ tín dụng đòi hỏi giữa các bộ phận đặc biệt là nhân viên quản lý tín dụng phải có các thông tin cần thiết, kỹ năng và kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đồng thời phải được phân tách trách nhiệm cụ thể. Để quản trị rủi ro dịch vụ cho vay tại Phòng giao dịch Nguyễn Gia Thiều Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh KCN Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới thì hệ thống các giải pháp cần được thực hiện bao gồm: (1) Kiểm tra chặt chẽ hồ sơ, thông tin khách hàng và trong công tác thẩm định tín dụng đảm bảo chính xác; (2) Thành lập bộ phận QTRR tín dụng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để việc đo lường, đánh giá mức độ rủi ro được đầy đủ và chính xác hơn; (3) Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro; (4) Tăng cường nhân lực tín dụng cả về số lượng và chất lượng;...</p>
29	<p>GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ TỪ SƠN CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH TIỀN SƠN</p>	Nguyễn Trọng Thành	TS.Chu Thị Kim Loan	<p>Mục đích nghiên cứu Bắc Ninh là một trong những tỉnh có số lượng làng nghề lớn nhất cả nước, bên cạnh việc tạo ra nhiều công ăn việc làm thì các làng nghề trên địa bàn có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. Các làng nghề đang có xu hướng phát triển trên cơ sở khôi phục làng nghề truyền thống đồng thời phát triển, mở rộng thêm nhiều làng nghề mới và đây cũng là chủ trương chủ trọng phát triển của Tỉnh trong những năm qua. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: “Giải pháp thúc đẩy cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn” có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực. Mục tiêu nghiên cứu đề tài (1) Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn cơ bản về cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề của Ngân hàng thương mại; (2) Đánh giá về thực trạng cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó; (3) Đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Kết quả nghiên cứu Giải pháp thúc đẩy cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn cho thấy: tổng dư nợ cho vay hộ gia đình của Vietinbank Tiên Sơn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ của toàn chi nhánh và tăng dần qua các năm, cụ thể dư nợ cho vay năm 2017 tăng 10% so với năm 2016 và năm 2018 tăng 5% so với năm 2017. Trong đó dư nợ ngắn hạn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh hộ gia đình chiếm tỷ trọng chủ yếu. Điều này chứng tỏ những năm gần đây nhu cầu về vốn để kinh doanh làm ăn của các làng nghề ở Bắc Ninh đều có xu hướng tăng cao. Số lượng hộ sản xuất cũng đều tăng qua các năm tỷ lệ thuận với việc tăng dư nợ cho vay. Số hộ sản xuất năm 2017 tăng 13% so với năm 2016 và năm 2018 tăng 3 % so với năm 2017, thể hiện quy mô đầu tư, địa bàn đầu tư vốn của Chi nhánh ngày càng mở rộng, tuy nhiên tỷ lệ tăng năm 2018 có giảm là do tình hình kinh tế tăng trưởng chậm và tốc độ tăng trưởng trong các làng nghề cũng có xu hướng giảm. Thông qua chỉ tiêu chênh lệch từ hoạt động cho vay trên cho thấy việc đầu tư vào cho vay hộ sản xuất trong làng nghề đang được đẩy mạnh và mở rộng thông qua dư nợ ngày càng tăng dẫn đến thu từ hoạt động cho vay tăng đều qua các năm, kéo theo là chênh lệch từ hoạt động cho vay cũng tăng qua các năm. Bên cạnh việc tăng trưởng qui mô dư nợ và thu hút khách hàng mới, chi nhánh luôn coi trọng vấn đề chất lượng nợ, công tác quản lý và phòng ngừa rủi ro đặc biệt là rủi ro trong hoạt động cho vay được đưa lên hàng đầu. Vì vậy mà các chỉ tiêu phản ánh mức độ rủi ro cho vay của chi nhánh là tương đối thấp luôn ở mức an toàn. Nhưng xét về dài hạn thì Vietinbank Tiên Sơn vẫn phải thường xuyên quan tâm đến vấn đề quản lý nợ để giảm thiểu phát sinh nợ xấu trong dài hạn.</p> <p>Để thúc đẩy cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại các làng nghề trên địa bàn thị xã Từ Sơn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiên Sơn trong thời gian tới thì hệ thống các giải pháp cần được thực hiện bao gồm: (1) Đa dạng hóa các hình thức cho vay; (2) Đổi mới công nghệ, đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng; (3) Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ tín dụng trong lĩnh vực cho vay làng nghề;...</p>
30	<p>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ</p>	Nguyễn KHẮC Quang	PGS.TS ĐỖ Văn Viện	<p>Mục tiêu nghiên cứu của đề tài: Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tại UBND thị xã Phú Thọ những năm qua, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức ở UBND thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ những năm tới.</p> <p>Nghiên cứu đã bàn luận những khái niệm về công chức, viên chức; Phân loại đội ngũ công chức, viên chức; Tiêu chí đánh giá, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; Sự cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; Nội dung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức.</p> <p>Luận văn đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tại UBND thị xã Phú Thọ. Đã làm rõ những nguyên nhân dẫn đến chất lượng đội ngũ công chức tại UBND thị xã Phú Thọ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu của quá</p>

				<p>trình đây mạnh CNH - HDH của địa phương và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay của cả nước như: Trình độ chuyên môn, năng lực điều hành, thực hiện công việc, kỹ năng nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu công việc; chưa có sự đổi mới về nội dung, hình thức tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức; công tác quy hoạch, kiểm tra đánh giá cán bộ công chức, viên chức còn chưa được coi trọng đúng mức; môi trường làm việc còn nhiều bất cập; chính sách đãi ngộ còn chưa thỏa đáng.</p> <p>Từ đó các quan điểm và nhóm giải pháp chủ yếu trước mắt đã được đề xuất như: Xây dựng chức danh tiêu chuẩn phù hợp với nhiệm vụ của mỗi vị trí công chức đảm nhận; đổi mới phương pháp đánh giá công chức, viên chức gắn với bố trí, sắp xếp phù hợp với năng lực, sở trường và phát hiện nhân tài; tạo môi trường thuận lợi để công chức phát huy hết năng lực và nhóm giải pháp lâu dài như: hoàn thiện công tác quy hoạch các chức danh công chức quản lý; đổi mới nội dung và hình thức tuyển dụng; gắn việc tuyển dụng công chức, viên chức với việc thi tuyển các chức danh lãnh đạo; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; thực hiện chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với công chức từ đó đưa ra kết luận, kiến nghị với nhà nước và tỉnh nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức tại UBND thị xã Phú Thọ.</p>
31	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH	Ngô Thị Thanh Thu	TS. Nguyễn Văn Phương	<p>Mục đích nghiên cứu Đề tài tiến hành phân tích thực trạng quản lý nhà nước về an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Bắc Ninh từ đó đưa ra những giải pháp cơ bản để tăng cường QLNN về trật tự an toàn GTĐB trên địa bàn thành phố Bắc Ninh trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Luận văn đã đưa ra những kết luận chủ yếu sau: <i>Nghiên cứu cơ sở lý luận quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để rút ra khái niệm: “Quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ là toàn bộ hoạt động có tổ chức, có định hướng, mang tính quyền lực của nhà nước trong quá trình quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thiết lập, duy trì trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xây dựng văn hóa giao thông, bảo đảm giao thông đường bộ thông suốt, an toàn nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế”. Trên cơ sở đó, luận văn đi sâu phân tích, nhận diện đặc điểm, nội dung và các điều kiện đảm bảo quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</i> Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của một số địa phương có sự tương đồng nhất định về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và văn hóa pháp lý để rút ra những giá trị tham khảo cho Bắc Ninh. Phân tích, đánh giá thực trạng từng nội dung của quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông đường bộ gắn với điều kiện đảm bảo quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ ở Bắc Ninh, trên cơ sở đó kết luận về những kết quả đạt được; hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ ở Bắc Ninh. Từ đó luận văn đã đề xuất các giải pháp bảo đảm tính toàn diện, khả thi và bền vững nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về trật tự an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.</p>
32	PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ SẢN PHẨM VÁN ÉP TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI LONG LỰU	Nguyễn Phụng Hoàng	TS. NGUYỄN QUỐC CHÍNH	<p>Mục đích nghiên cứu Thị trường ngày càng trở nên quan trọng đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất như công ty TNHH sản xuất và thương mại Long Lựu phải hoạt động trên cả lĩnh vực sản xuất và cả thị trường. Là doanh nghiệp hoạt động ở thị trường ván ép Coppah, nội thất được hơn 10 năm, giờ đây Long Lựu đã tạo nên thương hiệu của riêng mình, thị trường tiêu thụ trên khắp cả nước. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để Long Lựu giữ vững và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình?</p> <p>Kết quả chính và kết luận Các kết quả chính: Công ty đã không ngừng đẩy mạnh kinh doanh trên toàn thị trường, tăng trưởng về sản lượng, tập trung đột phá một số khâu cơ bản như đa dạng hóa sản phẩm, lựa chọn sản phẩm phù hợp, thâm nhập sâu vào thị trường ván ép công nghiệp trên cơ sở đầu tư và dịch vụ cho cơ sở sản xuất. Công ty xây dựng mạng lưới khách hàng lâu năm, từ đó xâm nhập sâu hơn vào thị trường, giới thiệu sản phẩm mới như ván ép vermeer, melamine, E1... Hoạt động kinh doanh trên thị trường cạnh tranh khốc liệt với những hãng sản xuất ván ép nổi tiếng như Thăng Long, Dongwha, Long Giang... công ty tồn tại và đứng vững với thị phần khoảng 8-9% có thể nói là thành công. Các hoạt động kinh doanh qua các năm không ngừng tăng lên, lợi nhuận, các khoản nộp ngân sách nâng cao. Dưới con mắt của các nhà thầu xây dựng lớn và các cửa hàng thương mại thì Long Lựu đang trở thành một hình ảnh quen thuộc. Hạn chế là công ty chưa sử dụng internet trong sản xuất, dây chuyền sản xuất chưa tự động hóa đồng đều, giá cả sản phẩm còn chưa có tính cạnh tranh cao, đội ngũ bán hàng còn yếu. Công ty cần áp dụng đồng bộ các biện pháp: chú trọng nghiên cứu sản phẩm, công nghệ mới; mở nhiều hệ thống đại lý, cải thiện, nâng cao đội ngũ nhân viên; nâng cấp dây chuyền sản xuất; quan tâm đến các dịch vụ trước và sau bán.</p>

33	<p>QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐẤT TẠI QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỈNH BẮC NINH</p>	Nhân Văn Quyền	PGS. TS. Đỗ Quang Giám	<p>Mục đích nghiên cứu - Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý sử dụng vốn ứng của Quỹ phát triển Đất tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao việc sử dụng nguồn vốn ứng của Quỹ Phát triển Đất tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý sử dụng vốn ứng thông qua các khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sử dụng vốn ứng. Công tác tổ chức và thực trạng công tác quản lý sử dụng vốn ứng cho các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Một số hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý sử dụng vốn ứng. Đề xuất 6 nhóm giải pháp hoàn thiện quản lý sử dụng vốn ứng; kiến nghị đối với Nhà nước, các Chủ đầu tư và các đơn vị được ứng vốn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm hoàn thiện quản lý sử dụng vốn ứng tại Quỹ.</p> <p>Mục đích nghiên cứu - Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý sử dụng vốn ứng của Quỹ phát triển Đất tỉnh Bắc Ninh, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao việc sử dụng nguồn vốn ứng của Quỹ Phát triển Đất tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả chính và kết luận Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý sử dụng vốn ứng thông qua các khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sử dụng vốn ứng. Công tác tổ chức và thực trạng công tác quản lý sử dụng vốn ứng cho các dự án phát triển quỹ đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Một số hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý sử dụng vốn ứng. Đề xuất 6 nhóm giải pháp hoàn thiện quản lý sử dụng vốn ứng; kiến nghị đối với Nhà nước, các Chủ đầu tư và các đơn vị được ứng vốn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm hoàn thiện quản lý sử dụng vốn ứng tại Quỹ.</p>
34	<p>HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH MARKETING CHO DỊCH VỤ THẺ ATM CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN - HÀ NỘI, CHI NHÁNH BẮC NINH</p>	Nguyễn Thị Liên	TS. Trần Thị Thu Hương	<p>Mục tiêu nghiên cứu Hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về dịch vụ, marketing dịch vụ, dịch vụ thẻ ATM, và chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của các ngân hàng thương mại; Nghiên cứu thực trạng các chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của SHBBắc Ninh; Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách marketing cho dịch vụ thẻ của SHB Bắc Ninh; Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của SHB Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả chính và kết luận + Cơ sở lý luận và thực tiễn về hoàn thiện chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, chi nhánh Bắc Ninh. + Thực trạng hoàn thiện chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, chi nhánh Bắc Ninh; những kết quả đạt được và những hạn chế, tồn tại, những nhân tố ảnh hưởng đến hoàn thiện chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của ngân hàng SHB Bắc Ninh</p> <p>Những hạn chế trong quản lý nhà nước về siêu thị - Sản phẩm thẻ chưa có sự khác biệt, các chức năng và tiện ích của thẻ cũng gần giống với những ngân hàng khác. - Hiện nay mức phí của SHB cũng gần giống với mức phí của các ngân hàng khác nên khó có thể cạnh tranh về giá - Mạng lưới máy ATM tại Bắc Ninh chưa lớn, hoạt động cũng chưa thật sự ổn định - Hệ thống máy POS đã được lắp đặt tại một số đơn vị chấp nhận thẻ nhưng hiệu quả chưa cao. - Việc quảng cáo các sản phẩm thẻ nhìn chung chưa được thực hiện một cách bài bản, hình thức quảng cáo chưa phong phú đa dạng nên chưa thu hút được sự chú ý của khách hàng. - Cán bộ chuyên trách về nghiệp vụ thẻ còn quá ít và kiêm nhiệm nhiều vai trò dẫn đến chưa thật sự chuyên nghiệp và kinh nghiệm - Trụ sở làm việc của Chi nhánh tuy nằm trên trung tâm của thành phố nhưng lại bị khuất tầm nhìn và nằm ở khu vực hơi khó để ý, và cũng chưa thật gây ấn tượng mạnh cho người qua đường. - Do thẻ được phát hành tập trung tại Trung tâm thẻ HO tại Hà Nội nên khi chuyển phát nhanh về chi nhánh do không cẩn thận của bên giao hàng có thể chuyển nhầm sang chi nhánh khác gây mất thời gian đi lại của khách hàng</p> <p>Để hoàn thiện chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM của ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội, chi nhánh Bắc Ninh cần thực hiện các giải pháp sau: Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu thị trường.Tăng cường công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm của các Ngân hàng TMCP bằng cách thiết lập mô hình liên kết hợp tác với các trường đại học. Phát triển hệ thống phân phối hiện đại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng về các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Tăng cường hoạt động marketing xây dựng thương hiệu Ngân hàng để tạo được niềm tin đối với khách hàng.Nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên gia marketing về dịch vụ thẻ ATM của ngân hàng. Nâng cao vai trò của Giám đốc điều hành của Ngân hàng (CEO) trong hoạt động marketing dịch vụ ngân hàng. Khai thác hiệu quả các chính sách marketing cho dịch vụ thẻ ATM dựa trên nền tảng các mối quan hệ sẵn có của ngân hàng với các đối tác</p>

35	PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ NGÀNH ĐIỆN TỬ TẠI HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH	Đỗ Thị Nhung	TS. Nguyễn Quốc Chính	<p>Mục đích nghiên cứu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển công nghiệp hỗ trợ. - Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử tại huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh trong thời gian gần đây. - Đề xuất các giải pháp nhằm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử trên địa bàn huyện trong thời gian tới. <p>Kết quả chính và kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận về khái niệm CNHT ngành điện tử, nội dung phát triển CNHT ngành điện tử và các yếu tố ảnh hưởng. Theo đó, rút ra nội dung phát triển CNHT bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Thành lập cụm công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử trong các khu công nghiệp tập trung. + Đầu tư trọng điểm một số doanh nghiệp CNHT ngành điện tử quy mô lớn. + Hỗ trợ cải tiến cho các doanh nghiệp CNHT ngành điện tử. + Chuyên môn hóa trong sản xuất cho CNHT ngành điện tử. + Tạo môi trường chuyển giao công nghệ giữa các công ty, các tập đoàn sản xuất đa quốc gia với các doanh nghiệp CNHT ngành điện tử trong nước. <p>Từ đó luận văn đi sâu phân tích kết quả và thực trạng phát triển CNHT ngành điện tử tại huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trong những năm vừa qua, CNHT ngành điện tử của huyện Yên Phong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Với hệ thống hạ tầng đồng bộ cộng với vị trí thuận lợi KCN Yên Phong là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI. Diện tích đất công nghiệp được các nhà đầu tư thứ cấp thuê và bán bãi, kho tàng đã chiếm hơn 90%, với 72 nhà đầu tư, trong đó có tới 63 nhà đầu tư nước ngoài (chủ yếu đến từ Hàn Quốc). Tổng vốn đăng ký gần 4,7 tỷ USD, chiếm hơn 50% tổng vốn đầu tư vào các KCN tập trung của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn có những hạn chế và đặt ra những vấn đề cần được quan tâm giải quyết. CNHT ngành điện tử trên địa bàn huyện có sự tham gia tích cực của các DN FDI, phần lớn là các DN là nhỏ và vừa với công nghệ sản xuất lạc hậu còn hoạt động tương đối nhiều. Thị trường các sản phẩm hỗ trợ ngành điện tử hình thành chưa rõ nét, vẫn tổ chức sản xuất theo chiều ngang với hầu hết các sản phẩm là sản xuất cho chính mình hoặc cho công ty mẹ. Thông tin về sản xuất, sản phẩm và DN vẫn khó tiếp cận. Nguồn nguyên liệu trong nước chưa đáp ứng được cho sản xuất các sản phẩm chất lượng cao mà chủ yếu nhập khẩu hoặc nhập từ công ty mẹ. Nguồn lao động cho toàn ngành nhìn chung còn yếu và thiếu. Công tác xúc tiến thương mại vẫn là hoạt động đơn độc của DN mà chưa có sự tham gia nhiều của chính quyền và các tổ chức ngành hàng. Trong thời gian tới, đề đẩy mạnh phát triển CNHT ngành điện tử tại huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh cần áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng cơ sở dữ liệu cho CNHT ngành điện tử trên địa bàn huyện và toàn tỉnh. - Liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp FDI. - Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. - Đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp CNHT ngành điện tử. - Phát triển mạnh ngành công nghiệp điện tử. - Phát huy vai trò của chính quyền địa phương.
36	PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CHO VAY KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI PHÒNG GIAO DỊCH TỪ SƠN - NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM, CHI NHÁNH BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH	Nguyễn Thị Mỹ Hào	TS. Lê Thị Minh Châu	<p>Mục đích nghiên cứu: Mục tiêu của đề tài là phân tích, đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân tại Phòng giao dịch Từ Sơn - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh để từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Kết quả nghiên cứu của luận văn đã đi sâu và giải quyết được những vấn đề như sau:</p> <p>(1) Luận văn đã hệ thống được các khái niệm có liên quan đến phát triển dịch vụ cho vay KHCN, nêu được đặc điểm cho vay đối với khách hàng cá nhân; đưa ra quy trình cho vay đối với khách hàng cá nhân, các hoạt động để phát triển dịch vụ cho vay KHCN. Đồng thời Luận văn đã hệ thống hóa các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển dịch vụ cho vay KHCN. Về cơ sở thực tiễn, đề tài đã tìm hiểu thực tiễn phát triển dịch vụ cho vay KHCN tại một số ngân hàng ở Việt Nam, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Phòng giao dịch Từ Sơn - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>(2) Luận văn đã đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ cho vay KHCN tại Phòng giao dịch Từ Sơn - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thu được kết quả sau: sự gia tăng số dịch vụ cung ứng cho khách hàng cá nhân với 6 nhóm dịch vụ: Mua, sửa nhà; Vay sản xuất kinh doanh; Vay tiêu dùng; Mua ô tô; Du học; Cầm cố chứng khoán, cầm cố chứng từ có giá đáp ứng nhu cầu cơ bản của khách hàng đi vay; Số lượng khách hàng cá nhân và số lượt khách hàng cá nhân có sự gia tăng nhanh chóng trong giai đoạn 2016-2018; chất lượng tín dụng của Phòng giao dịch gia tăng với tỷ lệ nợ xấu luôn được Phòng giao dịch giữ ở mức thấp và có xu hướng giảm... Bên cạnh những mặt đạt được thì hoạt động phát triển dịch vụ cho vay KHCN tại PGD còn nhiều hạn chế.</p> <p>(3) Trong thời gian tới để phát triển hoạt động phát triển dịch vụ cho vay KHCN tại Phòng giao dịch Từ Sơn cần: Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân; nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hoá công nghệ;</p>

				Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Chủ động tìm kiếm, phát triển khách hàng mới, quan tâm giữ vững khách hàng cũ; nâng cao chất lượng hoạt động Marketing; ...
37	LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÔNG TY TNHH RAU CỦ QUẢ AN TOÀN THANH HÀ	Mai Thành Luân	TS. Nguyễn Thị Thủy	Nghiên cứu thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại công ty TNHH MTV rau củ quả an toàn Thanh Hà từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường mối liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa công ty TNHH MTV rau củ quả an toàn Thanh Hà với các bên có liên quan. Đề tài sử dụng nguồn số liệu thu thập từ hộ nông dân và doanh nghiệp để phân tích thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa các tác nhân và Công ty TNHH MTV rau củ quả an toàn Thanh Hà, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp và các tác nhân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở địa bàn nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng liên kết giúp doanh nghiệp tăng được lợi nhuận và mở rộng được quy mô sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Liên kết giúp nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất các sản phẩm rau củ quả ở các nông hộ (nhờ tăng năng suất, tăng giá bán và tiết kiệm chi phí sản xuất). Đồng thời, doanh nghiệp có vùng nguyên liệu ổn định và nguồn sản phẩm rau củ quả an toàn được tiêu thụ chất lượng cao. Tuy nhiên, việc duy trì và phát triển liên kết giữa doanh nghiệp với các tác nhân còn nhiều hạn chế và thách thức, đặc biệt là việc tuân thủ quy trình sản xuất an toàn, tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở đó phân tích thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, đề tài đã đưa ra những giải pháp nhằm tăng cường liên kết giữa công ty TNHH MTV rau củ quả an toàn Thanh Hà và các tác nhân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất và lợi nhuận cho công ty. Từ khóa: Liên kết, sản xuất, tiêu thụ, sản phẩm an toàn.
38	QUẢN TRỊ BÁN HÀNG TẠI XÍ NGHIỆP IN, NHÀ MÁY Z176- TỔNG CỤC CNQP	Nguyễn Thị Lan	TS. Phạm Thị Hương Dịu	Mục tiêu nghiên cứu Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác quản trị bán hàng từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị bán hàng tại Xí nghiệp In, Nhà máy Z176 - Tổng cục CNQP trong thời gian tới. Kết quả nghiên cứu và thảo luận Trong sự cạnh tranh gay gắt của thị trường, bán hàng có vai trò quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó là thước đo phản chiếu hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bởi vậy cần phải quản trị hoạt động bán hàng. Qua đánh giá thực trạng Quản trị bán hàng tại Xí nghiệp In, Nhà máy Z176- Tổng cục CNQP cho thấy: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị từ năm 2016 đến năm 2018 đều tăng, năm 2016 doanh thu đạt 54.411 triệu đồng, thì đến năm 2018 tăng lên 662 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân là 0,6%. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 324 triệu đồng đến năm 2018 là 960 triệu đồng tăng 636 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân là 72,4%. Các mặt hàng kinh doanh như giấy in, mực in, kẽm in đều tăng cả về số lượng và doanh thu, năm 2016 mặt hàng giấy in có doanh thu là 7.900 triệu đồng thì đến năm 2018 doanh thu là 18.500 triệu đồng tăng 10.600 triệu đồng, tốc độ tăng bình quân là 53%; mặt hàng mực in năm 2016 có doanh thu là 4.060 triệu đồng thì đến năm 2018 doanh thu là 9.050 triệu đồng tăng 4.990 triệu đồng tốc độ tăng bình quân là 49,3%. Các yếu tố ảnh hưởng tới quản trị bán hàng tại Xí nghiệp In, Nhà máy Z176- Tổng cục CNQP bao gồm: (1) Yếu tố ngoại sinh (Môi trường kinh doanh và những biến động kinh tế; Môi trường chính trị, pháp luật; Môi trường văn hóa xã hội; Môi trường cạnh tranh; khách hàng; Nhà cung cấp) (2) Yếu tố nội sinh (Nguồn nhân lực và trình độ quản lý của Xí nghiệp; Nguồn tài chính của Xí nghiệp; Chung loại và chất lượng giá cả sản phẩm) Thông qua nghiên cứu chúng tôi đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường công tác quản trị bán hàng tại Xí nghiệp trong thời gian tới như sau: (1) Nâng cao trình độ cán bộ quản lý (2) Nâng cao chất lượng tuyển dụng và đào tạo lực lượng bán hàng của Xí nghiệp trong giai đoạn tới; (3) Giải pháp tăng cường công tác quản trị nhân viên bán hàng ; (4) Giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ chủ động đổi mới quy trình công nghệ sản xuất đáp ứng yêu cầu khách hàng; (5) Giải pháp tăng cường công tác quản lý và giảm giá thành sản phẩm; (6) Giải pháp hoàn thiện công tác chăm sóc khách hàng sau bán hàng; (7) Giải pháp mở rộng mạng lưới tiêu thụ, phát triển các sản phẩm mới.
39	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP DỆT MAY HÀ NỘI	Đông Trung Du	TS. Nguyễn Quốc Chinh	Nâng cao chất lượng đào tạo là một yêu cầu khách quan, cấp thiết đặt ra đối với tất cả các cơ sở giáo dục nói chung, trong đó có Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội. Do vậy, việc nghiên cứu và đánh giá một cách khoa học thực trạng chất lượng đào tạo, tìm ra những nhân tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường là hết sức cần thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu chính của luận văn bao gồm: - Thực trạng chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội được tác giả đánh giá thông qua các tiêu chí: Quy mô đào tạo; Chất lượng đầu vào của sinh viên; Kết quả tốt nghiệp của sinh viên; Tỷ lệ việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. - Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội theo đánh giá trong bao gồm các tiêu chí: Chất lượng đội ngũ giảng viên; Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Chương trình đào tạo; Hoạt động nghiên cứu khoa học; Cơ sở vật chất kỹ thuật, giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo; Công tác quản trị tại trường. - Về nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội theo đánh giá ngoài, đề tài đánh giá thông qua: Đánh giá của cựu sinh viên và doanh nghiệp sử dụng nhân lực do nhà trường đào

				<p>tao.</p> <p>- Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội.</p> <p>Qua nghiên cứu, có thể nhận định rằng: Nguồn nhân lực do nhà trường đào tạo đã đáp ứng được khá tốt nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo của Nhà trường là chưa cao do công tác đào tạo vẫn còn những hạn chế nhất định như: Tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học còn chưa cao (đặc biệt là số lượng Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ); Phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa có được hiệu quả cao; Tỷ lệ tuyển sinh giữa các ngành còn có độ chênh lệch quá lớn; Kết quả tốt nghiệp của sinh viên còn ở mức thấp; Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao nhưng vị trí việc làm chưa tốt. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng tốt nhất cho nhu cầu học tập của sinh viên; Giáo trình, học liệu, tài liệu tham khảo còn ít. Hoạt động nghiên cứu khoa học đặc biệt là nghiên cứu khoa học trong sinh viên còn quá nhiều hạn chế; Chất lượng các hoạt động phục vụ công tác đào tạo còn chưa cao. Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường cần áp dụng đồng bộ các giải pháp sau: Phát triển đội ngũ giảng viên; Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông tuyên sinh, quảng bá về các ngành nghề đào tạo; Đổi mới phương pháp giảng dạy; Thường xuyên rà soát, đánh giá để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu đào tạo trong từng giai đoạn; Đầu tư phát triển hơn nữa cho hệ thống cơ sở vật chất, phương tiện dạy học; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học; Tăng cường hoạt động liên kết đào tạo với các doanh nghiệp để sinh viên ra trường đáp ứng tốt nhất nhu cầu của doanh nghiệp...</p>
40	<p>NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ THẺ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM</p> <p>– CHI NHÁNH BẮC NINH</p>	Lê Thị Hoài	PGS. TS. TRẦN HỮU CƯỜNG	<p>Mục đích nghiên cứu</p> <p>Trên cơ sở đánh giá thực trạng dịch vụ thẻ từ đó đề xuất nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh.</p> <p>Kết quả chính và kết luận</p> <p>Hệ thống hóa những vấn đề về lý luận và thực tiễn về chất lượng dịch vụ thẻ của Ngân hàng thương mại.</p> <p>Nghiên cứu và phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ thẻ của Ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động chất lượng dịch vụ thẻ tại Vietinbank Chi nhánh Bắc Ninh đã được khách hàng tin cậy, đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng; dịch vụ thẻ được đảm bảo; Chi nhánh đã quan tâm đến mong muốn của khách hàng và hệ thống trang thiết bị đã đáp ứng được nhu cầu phát triển về dịch vụ thẻ. Tuy nhiên, Chất lượng dịch vụ thẻ của Vietinbank – Chi nhánh Bắc Ninh còn bộc lộ không ít hạn chế. Cụ thể: Một bộ phận nhân viên chăm sóc khách hàng còn chưa nhận thức được tầm quan trọng của dịch vụ; chưa có sự phân loại để có dịch vụ chăm sóc khách hàng riêng biệt; các chương trình chăm sóc khách hàng chưa có sự khác biệt so với các ngân hàng khác trên địa bàn; tại một số điểm giao dịch, phòng giao dịch cơ sở vật chất chưa có sự đồng bộ; Uy tín và thương hiệu Vietinbank trên địa bàn còn đứng sau Vietcombank; dịch vụ thẻ phong phú, nhiều tiện ích nhưng không có sự khác biệt với các ngân hàng khác; hệ thống ATM/POS hoạt động không ổn định, hay gặp sự cố; giải quyết các phân nàn của khách hàng còn chậm.</p> <p>Luận văn đã nghiên cứu và đề xuất 5 giải pháp sau: Nâng cao mức độ đồng cảm của dịch vụ thẻ; Tiếp tục đầu tư vào các phương tiện hữu hình; Đẩy mạnh mức độ tin cậy trong chất lượng dịch vụ thẻ; Nâng cao khả năng đáp ứng dịch vụ thẻ của Chi nhánh. Đây là những giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn để khắc phục những hạn chế còn tồn tại, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ thẻ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.</p>
41	<p>ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN KHÔNG LƯU VỀ CÔNG TÁC THÙ LAO LAO ĐỘNG TẠI TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM</p>	Nguyễn Thị Thùy Linh	PGS.TS. Bùi Thị Nga	<p>Mục đích nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu, đánh giá sự hài lòng của Kiểm soát viên không lưu về công tác thủ tục lao động tại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng về công tác thủ tục lao động tại Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam trong thời gian tới.</p> <p>Kết quả chính: Đánh giá được sự hài lòng của Kiểm soát viên không lưu về công tác thủ tục lao động tại tổng công ty quản lý bay Việt Nam trên cơ sở các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về công tác thủ tục lao động, đề xuất được các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác thủ tục lao động để nâng cao sự hài lòng của Kiểm soát viên không lưu về công tác thủ tục lao động tại tổng công ty quản lý bay Việt Nam.</p>